

BẢN LĨNH, TRÍ TUỆ, Ý CHÍ, KHÁT VỌNG HỒ CHÍ MINH TRÊN CON ĐƯỜNG CỨU NƯỚC, GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ BÀI HỌC ĐỐI VỚI THẾ HỆ TRẺ HIỆN NAY

■ THS. TRẦN VĂN TOÀN, THS. NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH

Củ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ thiên tài của dân tộc Việt Nam, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa kiệt xuất - Người đã tìm ra con đường cách mạng đúng đắn, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam. Hành trình tìm đường cứu nước của Người không chỉ là bước ngoặt lịch sử trọng đại, mà còn là biểu tượng sinh động của bản lĩnh kiên cường, trí tuệ sắc sảo, ý chí sắt đá và khát vọng cháy bỏng vì độc lập dân tộc, tự do và hạnh phúc của Nhân dân. Bản lĩnh của Người thể hiện ở sự lựa chọn con đường cách mạng đúng đắn giữa muôn trùng thử thách; trí tuệ của Người thể hiện qua khả năng nắm bắt, tổng kết thực tiễn, khái quát thành quy luật của cách mạng Việt Nam trên cơ sở tiếp thu, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin; ý chí của Người được tôi luyện qua gian khổ, tù đầy, không khuất phục trước bất kỳ thế lực nào; và khát vọng của Người là khát vọng độc lập, tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho Nhân dân, là động lực xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động cách mạng.

Từ giữa đến cuối thế kỷ XIX, các phong trào đấu tranh chống xâm lược Pháp của Nhân dân ta diễn ra dù theo khuynh hướng phong kiến, hay khuynh hướng tư tưởng tư sản, tuy rất anh dũng, nhưng cuối cùng thất bại. Đó là sự bất lực, thất bại của hệ ý thức phong kiến, tư sản trước các nhiệm vụ lịch sử. Mặc dù thất bại, nhưng tinh thần yêu nước của các nhà yêu nước đều có ảnh hưởng, tác động mạnh tới Chủ tịch Hồ Chí Minh, tạo thêm nguồn sinh lực cho việc thực hiện chí lớn đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào. Người khâm

phục những nhà yêu nước nhưng không hoàn toàn tán thành cách làm của một người nào. Tầm nhìn, cách nhìn của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho thấy: “Cụ Phan Chu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương, đó là sai lầm, chẳng khác gì đến xin giặc rủ lòng thương. Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp, điều đó rất nguy hiểm, chẳng khác gì “đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau”. Hoàng Hoa Thám thực tế hơn, vì trực tiếp đấu tranh chống Pháp, nhưng nặng cốt cách phong kiến”[1].

Trên cơ sở phân tích cách nghĩ, cách làm của các bậc tiền bối đều dẫn tới thất bại, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn con đường mới đó là sang phương Tây, mà đầu tiên là nước Pháp, nơi bắt nguồn từ những lời lẽ đẹp đẽ “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”. Đây không phải là một quyết định chính trị nhất thời, mơ hồ mà là một quyết tâm lớn, có cơ sở khoa học, có định hướng rõ ràng với một tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo và trí tuệ đỉnh cao. Chính trong sự lựa chọn đó, bản lĩnh, trí tuệ, ý chí và khát vọng ở Người đã định hình một cách rõ nét: không chấp nhận sống trong thân phận nô lệ, quyết tâm tìm đường đi cho dân tộc bằng con đường mới, dựa trên luận cứ khoa học và cách mạng, phù hợp với xu thế phát triển của dân tộc và thời đại.

Trải qua 30 năm bôn ba nước ngoài, sống và hoạt động cách mạng tại 28 quốc gia trên thế giới, Người luôn kiên định với niềm tin và khát vọng cháy bỏng: “Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu”[2]. Đó chính là sự thể hiện rõ ràng nhất

tư tưởng, ý chí tự lực, tự cường và một khát vọng lớn, khát vọng giải phóng dân tộc, mang tầm nhìn thời đại của lãnh tụ Hồ Chí Minh. Trong suốt những năm tháng này, hòa mình vào dòng chảy cách mạng thế giới, tiếp xúc với những luồng tư tưởng tiến bộ, Người đã dần nâng cao nhận thức về chủ nghĩa thực dân, đế quốc và trở thành người cộng sản chân chính, tích cực hoạt động cho sự phát triển của cách mạng thế giới nói chung và cách mạng Việt Nam nói riêng. Sau khi đọc Luận cương của Lênin, Người tán thành Quốc tế III, trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và là người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Người đã nhận thấy sự khác biệt, tính ưu việt của chủ nghĩa Mác - Lênin so với các học thuyết tư sản, cải lương. Sau này, Người kể lại: “Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!”[3]. Đó là bước ngoặt tư tưởng cực kỳ quan trọng, không chỉ thể hiện trí tuệ sắc bén mà còn chứng tỏ tầm nhìn chiến lược khi kết hợp tư tưởng cách mạng vô sản với mục tiêu giải phóng dân tộc - điều chưa có tiền lệ trong lịch sử phong trào yêu nước Việt Nam. Người xác định: muốn có độc lập, tự do thì các dân tộc bị áp bức không thể ngồi yên chờ đợi, càng không thể trông chờ vào sự “ban ơn” của các thế lực đế quốc, thực dân. Muốn có cuộc sống ấm no, hạnh phúc thực sự thì vấn đề quyết định trước hết là phải giành cho được độc lập, tự do. “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”.

Với tài năng tổ chức và bản lĩnh chính trị vững vàng Người đã sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam - một chính đảng của giai cấp công nhân, trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, kết hợp nhuần nhuyễn giữa tinh thần yêu nước chân chính và tinh thần quốc tế vô sản. Chánh cương văn tắt của Đảng do Người soạn thảo đã xác định rõ mục tiêu cách mạng: “Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản” - chứng minh sự chín muồi trong tư duy lý luận và bản lĩnh chiến lược ở Người. Chủ tịch Hồ Chí Minh từ người “tìm đường”, trở thành người “mở đường”, “dẫn

đường” cho dân tộc Việt Nam đi theo - Đó là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội - con đường cách mạng đúng đắn, phù hợp với điều kiện thực tiễn của lịch sử nước ta, đưa cách mạng nước ta đến thành công.

Hành động quyết liệt rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước đến việc lựa chọn chủ nghĩa Mác - Lênin, thành lập Đảng Cộng sản, lãnh đạo cách mạng và khai sinh nhà nước độc lập - tất cả đều là những cột mốc chứng minh bản lĩnh phi thường, trí tuệ lỗi lạc, ý chí kiên cường và khát vọng cháy bỏng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Những phẩm chất ấy không chỉ góp phần đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi, mà còn khẳng định tầm vóc của Người với tư cách một nhà cách mạng, nhà văn hóa lớn của nhân loại.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là người khai sáng con đường cách mạng Việt Nam mà còn là biểu tượng tinh thần bất diệt của dân tộc. Những phẩm chất, bản lĩnh, trí tuệ, ý chí và khát vọng của Người không chỉ góp phần quyết định thành công của sự nghiệp giải phóng dân tộc, mà còn để lại một di sản vô giá, lan tỏa sâu rộng trong đời sống chính trị, xã hội và văn hoá của đất nước - trở thành nguồn cảm hứng và chỉ dẫn quan trọng cho thế hệ trẻ Việt Nam hôm nay và mai sau. Suốt 30 năm rời xa Tổ quốc, bằng chính sự trải nghiệm của mình, Người luôn đánh giá cao vị trí, vai trò của thế hệ trẻ. Người khẳng định: “Muốn thức tỉnh một dân tộc, trước hết phải thức tỉnh thanh niên”. Vì lẽ đó, trong những bước chuẩn bị, những yếu tố tiền đề để thành lập Đảng Cộng sản, Người đặc biệt chú ý đến tầng lớp thanh niên và tổ chức đầu tiên, tiền thân của Đảng cũng mang tên Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Từ báo cách mạng đầu tiên Người sáng lập cũng mang tên Thanh niên và sau này trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Người nhiều lần nhấn mạnh vai trò của thanh niên trong sự nghiệp cách mạng của cả dân tộc. Trong hành trình đó, bản lĩnh, trí tuệ, ý chí, khát vọng giải phóng dân tộc, dám nghĩ, dám làm, dám dấn thân của Người vẫn mãi là bài học quý báu, đã trở thành lẽ sống, niềm tin, là nguồn cảm hứng mãnh liệt cho thế hệ thanh niên Việt Nam thể hiện tinh thần trách nhiệm trước vận mệnh của Tổ quốc. Bài học ấy nhắc nhở thế hệ trẻ rằng, trong giai đoạn hiện nay, để xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đòi hỏi thanh niên phải phát

huy tốt vai trò xung kích, ra sức học tập, rèn luyện với phương châm “Đâu cần thanh niên có, việc gì khó có thanh niên”, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp đổi mới, xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh hơn, to đẹp hơn.

Vì vậy, trước yêu cầu và nhiệm vụ mới đang đặt ra, việc xây dựng, bồi đắp lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ là trách nhiệm chung của toàn Đảng, toàn dân cả hệ thống chính trị và cả sự nỗ lực của mỗi thanh niên. Đặc biệt, Văn kiện Đại hội XIV đã khẳng định, thanh niên là lực lượng sẵn sàng nhận trọng trách nơi đầu sóng ngọn gió, luôn nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, ý chí, khát vọng cống hiến, nêu cao trách nhiệm với đất nước, xã hội. Đại hội nhấn mạnh: “Tăng cường giáo dục thế hệ trẻ Việt Nam về lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, lòng yêu nước, tự hào dân tộc, nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, ý chí, khát vọng cống hiến, nêu cao trách nhiệm đối với đất nước, xã hội”[4].

Hiện nay, nước ta có khoảng 22 triệu thanh niên, chiếm 21% dân số⁽¹⁾. Thế hệ trẻ ngày nay đang kế thừa, thể hiện rõ những phẩm chất yêu nước, cần mẫn, thông minh, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm. Đây cũng là thế hệ “công dân số” được sinh ra và lớn lên trong hòa bình, được tiếp cận với những thành tựu vượt bậc của khoa học và công nghệ. Bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, thanh niên không chỉ là lực lượng kế thừa mà còn là nhân tố quyết định tương lai đất nước. Sứ mệnh của thế hệ trẻ hôm nay không chỉ dừng lại ở hoài bão, mà phải thể hiện bằng hành động thực tiễn, góp phần đưa Việt Nam trở thành một quốc gia tiên tiến, tự cường và có sức ảnh hưởng. Trong bài viết “Tương lai cho thế hệ vươn mình”: Tổng Bí thư Tô Lâm đã khẳng định “Xây dựng và nuôi dưỡng một thế hệ thanh niên mạnh mẽ, trí tuệ và văn minh chính là nền tảng vững chắc để Việt Nam không ngừng vươn lên, trở thành quốc gia phát triển, biểu tượng của khát vọng, sức mạnh và ý chí dân tộc”[5]. Đây không chỉ là sự ghi nhận vai trò của thanh niên, mà còn là sự khẳng định tinh thần dẫn đầu, ý thức trách nhiệm và khát vọng cống hiến của thanh niên vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Quan điểm này nhấn mạnh vai trò xung kích của thế hệ trẻ đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước trong bối cảnh chuyển đổi sâu rộng trên mọi lĩnh vực và xu thế hội nhập quốc tế. Đồng thời, Tổng Bí thư Tô Lâm kêu gọi thanh niên nêu cao tinh thần

đoàn kết, vượt qua mọi trở ngại để phụng sự lợi ích quốc gia, dân tộc. Đây chính là sự tiếp nối và phát triển tinh thần cách mạng của lớp lớp thanh niên, soi đường cho dân tộc Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử; đồng thời, mở ra một định hướng mới, phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong thời đại mới.

Vì vậy, nhớ về Bác, học tập và làm theo Bác, thế hệ trẻ hôm nay cần nêu cao tinh thần tự học, khát vọng cống hiến và trách nhiệm đối với dân tộc. Trong thời đại chuyển đổi số, hội nhập quốc tế sâu rộng và cạnh tranh toàn cầu gay gắt, thanh niên càng cần chủ động tiếp cận tri thức mới, nâng cao năng lực số, ngoại ngữ, khoa học - công nghệ để góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh mà nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng đã đề ra. Đồng thời, phải giữ gìn lý tưởng cách mạng, bản sắc văn hóa dân tộc, kiên định con đường mà Đảng, Bác Hồ và Nhân dân ta đã lựa chọn để đưa đất nước tiến vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, phấn đấu đến năm 2045, nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nhân dịp kỷ niệm 115 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, là dịp để thế hệ trẻ suy ngẫm về những ước vọng, hoài bão về cứu nước và giải phóng dân tộc của Người, để từ đó ra sức phấn đấu, rèn luyện, xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh hơn, to đẹp hơn như Bác Hồ đã hằng mong ước, vững bước tiến vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên hùng cường, thịnh vượng dưới ánh sáng của Đảng.

(1) Số liệu lấy từ bài tham luận của đồng chí đồng chí Bùi Quang Huy, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Dân Tiên: Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr. 12 - 13.
2. Hồ Chí Minh: Biên niên tiểu sử. Nxb. Chính trị quốc gia, 2006, tập 1, tr.112
3. Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 562.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội XIV của Đảng, Nxb, Chính trị quốc gia sự thật, t 1, tr.124.
5. GS, TS Tô Lâm: “Tương lai cho thế hệ vươn mình”, Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 25-3-2025, https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/tuong-lai-cho-the-he-vuon-minh.

NHỮNG BẤT CẬP TRONG THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG MUA BÁN TÀI SẢN ĐẤU GIÁ

■ Luật gia: **TRƯƠNG QUANG SÁNG**

Đấu giá tài sản là hình thức trả giá, chấp nhận giá có từ hai người trở lên tham gia theo nguyên tắc, trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Đấu giá tài sản, trừ trường hợp đấu giá trong trường hợp chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá, một người tham gia đấu giá, một người trả giá, một người chấp nhận giá được quy định tại Điều 49 của Luật Đấu giá tài sản (Luật). Như vậy, đấu giá tài sản là một phương thức chuyển giao quyền sở hữu tài sản đặc biệt, được thực hiện thông qua trình tự, thủ tục chặt chẽ nhằm bảo đảm tính công khai, minh bạch, cạnh tranh và tối đa hóa giá trị tài sản. Trong nền kinh tế thị trường, hoạt động đấu giá ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc xử lý tài sản công, tài sản thi hành án, tài sản bảo đảm, tài sản tịch thu sung công quỹ nhà nước và nhiều loại tài sản khác được quy định cụ thể tại Điều 4 Luật Đấu giá tài sản. Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá là mắt xích quan trọng quyết định hiệu quả cuối cùng của hoạt động đấu giá tài sản.

Sau khi cuộc đấu giá kết thúc và người trúng đấu giá được xác định, các bên sẽ tiến hành ký kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá để thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản,

chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. (1) Kết quả đấu giá tài sản là căn cứ để các bên ký kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc cơ sở để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. (2) Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá được ký kết giữa người có tài sản đấu giá với người trúng đấu giá hoặc giữa người có tài sản đấu giá, người trúng đấu giá và tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nếu các bên có thỏa thuận, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự. (3) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ cuộc đấu giá theo quy định tại khoản 2 Điều 45 của Luật thì người có tài sản đấu giá và người trúng đấu giá ký kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. (4) Người trúng đấu giá được coi như chấp nhận giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá kể từ thời điểm đấu giá viên công bố người trúng đấu giá, trừ trường hợp người trúng đấu giá từ chối ký biên bản đấu giá quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật này hoặc từ chối kết quả trúng đấu giá quy định tại Điều 51 của Luật này. Kể từ thời điểm này, quyền và nghĩa vụ của các bên được

thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan. (5) Trình tự, thủ tục, thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu giá tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan⁽¹⁾.

Như vậy, theo quy định nêu trên thì trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ cuộc đấu giá thì người có tài sản đấu giá và người trúng đấu giá ký kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy quá trình thực hiện hợp đồng mua bán tài sản đấu giá còn phát sinh nhiều khó khăn, vướng mắc và bất cập, ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà nước, người có tài sản đấu giá, tổ chức đấu giá. Trong bài viết này tác giả đề cập đến một số khó khăn, vướng mắc trong thực hiện hợp đồng mua bán tài sản đấu giá.

Thứ nhất, việc người trúng đấu giá không giao kết hợp đồng trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ cuộc đấu giá: Như chúng ta đã biết, hợp đồng mua bán tài sản đấu giá là sự thỏa thuận giữa bên có tài sản đấu giá và người trúng đấu giá về việc chuyển giao quyền sở hữu tài sản sau khi cuộc đấu giá được tổ chức thành công theo quy định pháp luật. Đây là loại hợp đồng mang tính đặc thù bởi việc giao kết không hoàn toàn dựa trên sự tự do thỏa thuận của các bên mà được hình thành trên cơ sở kết quả đấu giá. Giá bán tài sản không do các bên tự thương lượng mà được xác định thông qua quá trình trả giá công khai, kết quả đấu giá tài sản là căn cứ để các bên ký kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá. Người trúng đấu giá được coi như chấp nhận giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá kể từ thời điểm đấu giá viên công bố người trúng đấu giá. Trong quan hệ này có sự tham gia của nhiều chủ thể gồm: người có tài sản đấu giá; tổ chức hành nghề đấu giá tài sản; người trúng đấu giá, cơ quan quản lý nhà nước. Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá được ký kết giữa người có tài sản đấu giá với người trúng đấu giá hoặc giữa người có tài sản đấu giá, người trúng đấu giá và tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nếu

các bên có thỏa thuận, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác (khoản 2 Điều 46 Luật -VBHN).

Tuy nhiên, trong thực tiễn tình trạng người trúng đấu giá không ký hợp đồng mua bán tài sản, đây là một trong những bất cập phổ biến hiện nay, nhiều trường hợp người tham gia đấu giá trả giá rất cao để trúng đấu giá nhưng sau đó không đến ký hợp đồng mua bán tài sản hoặc cố tình kéo dài thời gian thực hiện nghĩa vụ.

Nguyên nhân chủ yếu là: Trả giá vượt quá khả năng tài chính; đầu cơ, tạo mặt bằng giá ảo; nhận thấy tài sản không còn phù hợp với mục đích sử dụng; cố tình gây khó khăn cho việc xử lý tài sản... Đối với nhiều loại tài sản, đặc biệt là tài sản công hoặc tài sản tịch thu từ xử lý vi phạm hành chính, pháp luật hiện hành chưa có chế tài thực sự đủ mạnh để xử lý hành vi cố tình không ký hợp đồng sau khi trúng đấu giá.

Trong trường hợp này thì vấn đề đặt ra là người có tài sản có quyền chấm dứt ký kết hợp đồng hoặc hủy kết quả đấu giá hay không khi bên trúng đấu giá không ký kết hợp đồng theo đúng thời hạn và bên có tài sản đấu giá không liên lạc được với bên trúng đấu giá?

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 47 Luật thì người có tài sản đấu giá có quyền: Đơn phương chấm dứt, hủy bỏ hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, hợp đồng mua bán tài sản đấu giá vô hiệu theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật về dân sự. Tại Điều 428 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về việc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng như sau: (1) Một bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trong hợp đồng hoặc các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. (2). Bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc chấm dứt hợp đồng,

nếu không thông báo mà gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Như vậy, Luật không quy định người có tài sản có quyền được chấm dứt việc giao kết hợp đồng mua bán tài sản trong trường hợp người trúng đấu giá không đến giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá theo thời hạn quy định (7 ngày làm việc).

Đối với việc hủy bỏ hợp đồng: Luật Đấu giá tài sản quy định việc hủy kết quả đấu giá tài sản trong các trường hợp sau: (1) Theo thỏa thuận giữa người có tài sản đấu giá, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản và người trúng đấu giá về việc hủy kết quả đấu giá tài sản hoặc giữa người có tài sản đấu giá và người trúng đấu giá về việc hủy giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, hủy bỏ hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, trừ trường hợp gây thiệt hại hoặc làm ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; (2) Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, hợp đồng mua bán tài sản đấu giá bị Tòa án tuyên bố vô hiệu theo quy định của pháp luật về dân sự trong trường hợp người trúng đấu giá có hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều 9 của Luật này; (3). Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản bị hủy bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 33 của Luật này; (4) Theo quyết định của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 33 của Luật này hoặc trong trường hợp người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, đấu giá viên có hành vi thông đồng, móc nối, dìm giá trong quá trình tham gia đấu giá dẫn đến làm sai lệch thông tin tài sản đấu giá hoặc hồ sơ tham gia đấu giá hoặc kết quả đấu giá tài sản. Theo quy định nêu trên thì trường hợp người trúng đấu giá không giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá theo thời hạn quy định thì không có căn cứ để hủy hợp đồng mua bán tài sản đấu giá.

Như vậy, Luật Đấu giá tài sản và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa có quy định cụ thể về việc xử lý đối với trường hợp người trúng đấu giá không phối hợp và không thực hiện

ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá theo thời hạn quy định.

Thứ hai, chưa có cơ chế xử lý triệt để trường hợp người trúng đấu giá bỏ cọc

Tiền đặt trước được xem là công cụ bảo đảm nghĩa vụ tham gia đấu giá. Tuy nhiên, trong thực tế nhiều người trúng đấu giá chấp nhận mất tiền đặt trước để từ bỏ việc mua tài sản. Đối với các tài sản có giá trị lớn như quyền sử dụng đất, khoáng sản, tài sản công hoặc tài sản thi hành án,... khoản tiền đặt trước đôi khi không tương xứng với thiệt hại thực tế do việc hủy kết quả đấu giá gây ra. Việc tổ chức đấu giá lại làm phát sinh nhiều chi phí như: chi phí tổ chức đấu giá; chi phí quản lý tài sản; chi phí bảo quản tài sản; thời gian xử lý kéo dài; nguy cơ giảm giá trị tài sản... Tuy nhiên, việc yêu cầu bồi thường các thiệt hại đối với trường hợp này trên thực tế pháp luật chưa quy định.

Việc nghiên cứu, đánh giá các bất cập trong thực tiễn thực hiện hợp đồng mua bán tài sản đấu giá có ý nghĩa quan trọng nhằm hoàn thiện cơ chế pháp lý, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật. Mặc dù hệ thống pháp luật về đấu giá tài sản ngày càng được hoàn thiện, song thực tiễn thực hiện hợp đồng mua bán tài sản đấu giá vẫn còn tồn tại nhiều bất cập như người trúng đấu giá không ký hợp đồng, bỏ cọc... Những bất cập này không chỉ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên mà còn làm giảm hiệu quả quản lý tài sản của Nhà nước, tác động tiêu cực đến môi trường đầu tư và tính minh bạch của thị trường. Vì vậy, việc tiếp tục hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện và tăng cường chế tài xử lý vi phạm là yêu cầu cấp thiết nhằm bảo đảm hoạt động đấu giá tài sản thực sự công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay.

(1) Điều 46 Luật Đấu giá tài sản đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Đấu giá tài sản năm 2024.

(2) Điều 72 Luật Đấu giá tài sản đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Đấu giá tài sản năm 2024.

Tỉnh Quảng Trị nhìn lại một năm thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị

■ TRÀ ĐÌNH HUÂN

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới (Nghị quyết số 66-NQ/TW), nhìn lại một năm triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị bước đầu đã đạt nhiều kết quả tích cực. Theo đó, cả hệ thống chính trị của địa phương đã có sự chủ động, quyết tâm trong thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết có nhiều đổi mới, quyết liệt, sâu sát; vừa tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, vừa kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn, bảo đảm yêu cầu, mục tiêu nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài. Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành các chương trình, kế hoạch hành động làm cơ sở cho quá trình tổ chức thực hiện. Nhờ vậy, công tác xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh đã có bước đột phá rõ nét, góp phần nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước bằng pháp luật, phục vụ thiết thực cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở địa phương trong giai đoạn mới. Các sở, ban, ngành, địa phương chủ động rà soát, tham mưu HĐND, UBND xử lý và ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) mới, tạo cơ sở pháp lý cho bộ máy chính quyền hoạt động, nhất là sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, vận hành chính quyền

địa phương 02 cấp, đảm bảo bộ máy chính quyền hoạt động thông suốt, liên tục, không bị gián đoạn hay tạo khoảng trống pháp luật. Sở Tư pháp với vai trò cơ quan thường trực đã chủ động, kịp thời trong tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị, địa phương thực hiện đồng bộ các nhóm nhiệm vụ, giải pháp nhờ đó công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật ở địa phương có bước đổi mới rõ rệt, chất lượng văn bản QPPL ngày càng được nâng lên; việc tổ chức thi hành pháp luật được chú trọng, nhiều “điểm nghẽn” do quy định của pháp luật của Trung ương và địa phương bước đầu được nhận diện và kiến nghị xử lý, góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp. Hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật được đổi mới với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, dễ tiếp cận. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tuyên truyền, phổ biến pháp luật, quản lý văn bản, tra cứu pháp luật cũng được đẩy mạnh. Công tác bố trí, kiện toàn và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bố trí ngân sách trong công tác xây dựng pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật cho các cơ quan, đơn vị đã được thực hiện kịp thời, có hiệu quả; công chức tư pháp - hộ tịch ở cấp xã cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Những kết quả đạt được nêu trên được minh chứng bằng những sản phẩm, việc làm cụ thể:

Thứ nhất, về bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng trong công tác xây dựng pháp luật, phát huy cao độ tính Đảng trong xây dựng và thi hành pháp luật: Căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được đề ra tại Nghị quyết số 66-NQ/TW và các nhiệm vụ được giao tại Chương trình hành động ban hành kèm theo Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ, BTV Tỉnh ủy Quảng Trị đã ban hành Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 06/8/2025 trên cơ sở bám sát 05 quan điểm chỉ đạo, 07 nhiệm vụ giải pháp được đề ra tại Nghị quyết số 66-NQ/TW và tình hình thực tiễn của địa phương sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp; UBND tỉnh Quảng Trị đã ban hành Kế hoạch số 766/KH-UBND ngày 04/9/2025 để cụ thể hoá các chủ trương của BTV Tỉnh ủy; 14 các sở, ban, ngành và 78 Đảng ủy và UBND các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh đã ban hành các Kế hoạch/Chương trình hành động triển khai thực hiện. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã bố trí 01 đồng chí Tỉnh ủy viên làm Giám đốc Sở Tư pháp, 100% các xã, phường, đặc khu đã bố trí lãnh đạo UBND là Ủy viên BCH Đảng bộ xã, phường, đặc khu phụ trách công tác tư pháp, trong đó có công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Đã tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 53-KH/TU ngày 28/5/2026 về thực hiện Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật. Quá trình tham mưu xây dựng văn bản QPPL, tổ chức thi hành pháp luật các sở, ngành đã thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật, các quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, đã thực hiện việc xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền của Đảng về nội dung văn bản QPPL theo quy định.

Thứ hai, về đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển

Để kịp thời thể chế hóa đầy đủ, đúng đắn, kịp

thời chủ trương, đường lối của Đảng, tiếp tục đảm bảo hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp được vận hành thông suốt, hiệu quả, trên cơ sở chỉ đạo, hướng dẫn của Đảng ủy Bộ Tư pháp và UBND tỉnh, các sở, ngành, địa phương đã thực hiện rà soát các văn bản QPPL của Trung ương để xác định các khó khăn, vướng mắc, “điểm nghẽn” trong quy định của pháp luật tạo “rào cản” cho phát triển kinh tế - xã hội để kiến nghị hoàn thiện. Trên cơ sở kết quả rà soát, đã kiến nghị 18 nhóm vấn đề có quy định mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không rõ ràng, phát sinh nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật hoặc tạo gánh nặng chi phí tuân thủ pháp luật. Đối với văn bản của địa phương, qua rà soát có 20 nội dung cần hướng dẫn hoặc chưa được quy định trong văn bản QPPL cần xử lý bằng hình thức ban hành văn bản mới để thay thế theo cơ chế đặc biệt quy định tại Nghị quyết số 206/2025/NQ-QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội.

Đối với việc rà soát để kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”, tiếp tục tập trung xây dựng và hoàn thiện pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khu vực kinh tế tư nhân, về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đã hoàn thành việc ban hành văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; rà soát và xác định có 835/1.075 văn bản cần phải tham mưu UBND tỉnh và HĐND tỉnh xử lý theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản QPPL và Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội, đến nay, đã xử lý 479/835 văn bản cần phải xử lý (đạt 57,4% số văn bản cần xử lý); rà soát và tham

muu xử lý đối với 76 văn bản của địa phương bị tác động bởi 28 Nghị định của Chính phủ về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền trong các lĩnh vực quản lý nhà nước. Đến nay, các sở, ngành đã xử lý 69/76 văn bản, 07 văn bản còn lại tiếp tục được xử lý đồng thời với việc xử lý các văn bản bị tác động do 02 tỉnh cũ ban hành chịu sự tác động của việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và chính quyền địa phương 02 cấp.

Cùng với công tác rà soát, xử lý văn bản, công tác xây dựng văn bản QPPL cũng được quan tâm chú trọng đảm bảo thực hiện nghiêm quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL. Các dự thảo văn bản đều có sự tham gia của Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ ngay từ giai đoạn soạn thảo; đều được thực hiện truyền thông chính sách, nhất là các chính sách có tác động lớn đến xã hội, người dân, doanh nghiệp; quá trình soạn thảo, thẩm định, thẩm tra đều được rà soát, đối chiếu nội dung dự thảo văn bản với các quy định, chủ trương của trung ương đảm bảo văn bản QPPL của địa phương không đặt ra các thủ tục hành chính không cần thiết, rườm rà, không hợp lý (kể cả thủ tục hành chính nội bộ), không đặt ra các điều kiện đầu tư kinh doanh trái quy định. Trong đó, tập trung vào các văn bản nhằm thể chế hoá các chủ trương, đường lối của Đảng được đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, XIV của Đảng, các nghị quyết động lực đột phá của Bộ Chính trị, nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030; các chủ trương về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền tạo sự chủ động cho các cơ quan, chính quyền cấp dưới chủ động trong quyết định các biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo thực hiện đúng chủ trương “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”.

Thứ ba, về tạo đột phá trong công tác thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật

Cùng với công tác truyền thông chính sách,

công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL) cũng được triển khai mạnh mẽ đến từng nhóm đối tượng để đưa pháp luật vào đời sống, tạo lập thói quen, lòng tin của các tầng lớp Nhân dân đối với hệ thống pháp luật. Thường xuyên đổi mới, đa dạng hóa phương thức truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật, giúp các cơ quan, đơn vị, người dân, doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận, nhất là việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào công tác này như sử dụng công nghệ AI để xây dựng các video ngắn, các infographic để tuyên truyền các nội dung pháp luật trên các trang mạng xã hội. Các sở, ngành đã tập trung phổ biến các Nghị quyết trọng tâm, trụ cột của Bộ Chính trị và các chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các kế hoạch triển khai thực hiện của UBND tỉnh; chủ trương, chính sách thực hiện sắp xếp, tinh gọn, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các luật, pháp lệnh, văn bản mới được thông qua năm 2025 và có hiệu lực năm 2026. Đến nay, toàn tỉnh đã tổ chức 2.740 hội nghị với 2.954.936 lượt người tham dự; tổ chức 21 cuộc thi với 96.098 lượt người tham gia; in ấn, phát hành 382.796 tài liệu, Pano tuyên truyền, trong đó có 3.510 tài liệu đăng tải trên Internet; in ấn, treo 649 băng rôn tuyên truyền các khẩu hiệu hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam; thực hiện 12 chuyên mục “Pháp luật và Đời sống” trên Báo và Phát thanh, truyền hình Quảng Trị; cung cấp 48 file ghi âm (04 file/tháng) tuyên truyền các quy định, chính sách pháp luật phát trên loa truyền thanh ở cơ sở để gửi về cho các xã, phường, đặc khu ưu tiên những nội dung quan trọng được phát trên khung giờ thu hút đông đảo khán, thính giả trên hệ thống phát thanh, truyền hình của địa phương; đăng tải hàng trăm lượt tin, bài trên Trang thông tin điện tử của các sở, ngành, Trang Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Quảng Trị, Facebook, Fanpage, Zalo, Youtube; TikTok để tuyên truyền, PBGDPL cho cán bộ và Nhân dân.

Bên cạnh đó, hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm,

liên ngành cũng được quan tâm, chú trọng; hoạt động đối thoại, tiếp nhận, lắng nghe phản ánh, kiến nghị, giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc về pháp lý của cá nhân, tổ chức doanh nghiệp được các cơ quan, người có thẩm quyền duy trì định kỳ hàng tháng, qua đó nhằm tiếp nhận, lắng nghe các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của công dân để lãnh đạo, chỉ đạo các sở, ngành tham mưu giải quyết, hướng dẫn đảm bảo đúng quy định của pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân. Tổ chức rà soát các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương đối chiếu với nguyên tắc phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương để đề xuất điều chỉnh đảm bảo thống nhất; rà soát các văn bản QPPL Trung ương và địa phương để phản ánh, kiến nghị, sửa đổi, bổ sung các khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quy định pháp luật liên quan đến phát triển kinh tế, thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

Thứ tư, về thực hiện giải pháp đột phá nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp luật, nâng cao năng lực của cơ quan, tổ chức tham mưu xây dựng pháp luật

Trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy của Sở Tư pháp đã bố trí lại các phòng chuyên môn theo hướng hình thành bộ phận chuyên nghiệp, chuyên sâu trong công tác xây dựng pháp luật, bố trí biên chế đảm bảo về số lượng, chất lượng để tham mưu thực hiện nhiệm vụ này. Hiện nay, Sở Tư pháp có 09 công chức làm công tác tham mưu xây dựng pháp luật; 100% công chức đều có trình độ đại học Luật trở lên, có kỹ năng kinh nghiệm và chuyên sâu trong công tác xây dựng văn bản, thẩm định, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL đảm bảo đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh công tác tham mưu xây dựng văn bản QPPL được phân công cho các phòng chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ được giao, công chức làm công tác pháp chế

phối hợp thực hiện các trình tự thủ tục xây dựng, ban hành văn bản. 100% công chức làm công tác tham mưu xây dựng pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có trình độ đại học trở lên. Tại cấp xã, đã sắp xếp, bố trí đội ngũ công chức tham mưu công tác tư pháp, trong đó có nhiệm vụ xây dựng pháp luật với 158 công chức, trong đó có 18 công chức có trình độ thạc sĩ Luật, 131 công chức có trình độ Đại học Luật, 09 công chức có trình độ chuyên môn khác, cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ trong công tác xây dựng pháp luật ở địa phương.

Thứ năm, về tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật

Tiếp tục triển khai Đề án “Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”, các đơn vị, địa phương tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác PBGDPL, chú trọng tuyên truyền, PBGDPL trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang Công báo điện tử tỉnh, Trang Thông tin điện tử PBGDPL Quảng Trị, Trang Thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương; các kênh mạng xã hội như: Facebook, Fanpage, Zalo, Youtube, Tiktok..., Sở Tư pháp đang vận hành các kênh mạng như: Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp; Trang Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Quảng Trị; Trang Facebook: Phổ Biến Pháp Luật (Quảng Trị) và Fanpage: PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT - Quảng Trị; Trang Zalo, Youtube: Phổ biến, giáo dục pháp luật Quảng Trị; Trang TikTok: PBGDPL QUẢNG TRỊ... để đăng tải các tin, bài viết, video, infographic. Qua đó, góp phần thiết thực vào việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến Nhân dân.

Thứ sáu, về thực hiện cơ chế tài chính đặc biệt cho công tác xây dựng và thi hành pháp luật

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ để đảm bảo nguồn lực thực hiện các

(Xem tiếp trang 29)

TĂNG CƯỜNG HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP - GIẢI PHÁP QUAN TRỌNG THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA TỈNH QUẢNG TRỊ

■ HỒNG LUYẾN

Quảng Trị đang đứng trước nhiều cơ hội phát triển mới từ các dự án động lực về năng lượng, hạ tầng giao thông, logistics, kinh tế biển và chuyển đổi số. Trong bối cảnh đó, việc nâng cao năng lực cạnh tranh của cộng đồng doanh nghiệp địa phương không chỉ phụ thuộc vào các nguồn lực về vốn, công nghệ hay thị trường mà còn đòi hỏi một môi trường pháp lý minh bạch, ổn định và dễ tiếp cận. Tăng cường hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trở thành yêu cầu cấp thiết nhằm tạo nền tảng cho sự phát triển nhanh và bền vững của tỉnh trong giai đoạn mới.

Trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế, khu vực kinh tế tư nhân ngày càng khẳng định vai trò là động lực quan trọng của nền kinh tế. Các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân không chỉ đóng góp đáng kể vào tăng trưởng GDP, tạo việc làm, tăng nguồn thu ngân sách mà còn thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và địa phương.

Với vai trò đặc biệt quan trọng đó, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển. Đặc biệt, Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã xác định phát triển kinh tế tư nhân là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn mới; đồng thời nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, bảo đảm quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản

và tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, ổn định, thuận lợi cho doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường hiện đại, pháp luật không chỉ là công cụ quản lý nhà nước mà còn là nền tảng để bảo đảm sự vận hành lành mạnh của thị trường. Một môi trường pháp lý minh bạch, ổn định và dễ tiếp cận sẽ góp phần giảm chi phí tuân thủ, giảm rủi ro pháp lý, tạo niềm tin cho nhà đầu tư và doanh nghiệp. Tuy nhiên, cùng với quá trình hoàn thiện thể chế và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, hệ thống pháp luật cũng ngày càng phong phú, đa dạng và có mức độ chuyên sâu cao hơn. Điều này đặt ra những yêu cầu mới đối với cộng đồng doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc tiếp cận, nghiên cứu, hiểu và vận dụng đúng các quy định pháp luật vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chính vì vậy, công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ngày càng trở thành một bộ phận quan trọng trong chính sách hỗ trợ

doanh nghiệp của Đảng và Nhà nước ta, góp phần xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Thực tiễn cho thấy, trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp phải thường xuyên tiếp xúc với nhiều lĩnh vực pháp luật khác nhau như đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, xây dựng, đấu thầu, thuế, lao động, bảo hiểm xã hội, bảo vệ môi trường, thương mại, sở hữu trí tuệ, giải quyết tranh chấp và nhiều lĩnh vực pháp luật chuyên ngành khác. Đối với các tập đoàn, doanh nghiệp lớn, việc xây dựng bộ phận pháp chế hoặc thuê tư vấn pháp lý thường xuyên là điều kiện tương đối thuận lợi. Tuy nhiên, đối với doanh nghiệp nhỏ, vừa và siêu nhỏ - nhóm doanh nghiệp chiếm tỷ lệ lớn trong nền kinh tế nói chung và trên địa bàn tỉnh Quảng Trị nói riêng¹ - khả năng tiếp cận các dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp còn nhiều hạn chế. Không ít doanh nghiệp vẫn hoạt động theo kinh nghiệm, chưa thực sự quan tâm đến quản trị rủi ro pháp lý. Nhiều trường hợp doanh nghiệp chỉ tìm đến các chuyên gia pháp lý khi đã phát sinh tranh chấp hoặc nguy cơ bị xử lý vi phạm. Điều này làm gia tăng chi phí, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh và thậm chí tác động tiêu cực đến sự tồn tại, phát triển của doanh nghiệp.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn đó, trong những năm qua, Nhà nước đã từng bước hoàn thiện các cơ chế hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, đã được sửa đổi, bổ sung tại các Luật Đầu tư 2020, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020, Luật Đấu thầu năm 2023 xác định hỗ trợ thông tin, tư vấn và nâng cao năng lực pháp lý là một trong những nội dung hỗ trợ quan trọng. Chính phủ và các bộ, ngành cũng đã ban hành nhiều chính sách nhằm tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận thông tin pháp luật, được giải đáp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động và nâng cao năng lực tuân thủ pháp luật như Nghị định số 55/2019/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị định số

18/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.

Có thể khẳng định rằng, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp không đơn thuần là hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật mà là quá trình đồng hành cùng doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp phòng ngừa rủi ro, nâng cao năng lực quản trị và phát triển bền vững. Do đó, xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật trong doanh nghiệp là mục tiêu cao nhất của hoạt động hỗ trợ pháp lý. Nếu như trước đây hoạt động hỗ trợ pháp lý chủ yếu tập trung vào việc cung cấp văn bản pháp luật, giải đáp các quy định hoặc tháo gỡ những khó khăn trước mắt thì hiện nay mục tiêu của công tác này cần được nâng lên một tầm cao mới, đó là xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật trong doanh nghiệp.

Văn hóa tuân thủ pháp luật được hiểu là hệ thống nhận thức, thái độ và hành vi của doanh nghiệp trong việc tôn trọng, chấp hành và chủ động thực hiện các quy định của pháp luật như một giá trị cốt lõi trong hoạt động quản trị và phát triển doanh nghiệp. Một doanh nghiệp có văn hóa tuân thủ pháp luật sẽ không chỉ thực hiện đúng các nghĩa vụ đối với Nhà nước mà còn chủ động xây dựng cơ chế kiểm soát nội bộ, phòng ngừa rủi ro pháp lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, khách hàng, đối tác và cộng đồng.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, văn hóa tuân thủ pháp luật còn trở thành một tiêu chí đánh giá năng lực quản trị doanh nghiệp. Nhiều nhà đầu tư, tổ chức tín dụng, đối tác quốc tế đặc biệt quan tâm đến mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp trước khi quyết định hợp tác hoặc đầu tư. Do đó, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cần hướng đến việc hình thành nhận thức rằng tuân thủ pháp luật không phải là gánh nặng mà chính là một lợi thế cạnh tranh, là điều kiện để doanh nghiệp phát triển ổn định và bền vững.

Hiện nay, doanh nghiệp đang đứng trước những thay đổi sâu sắc của môi trường kinh doanh. Sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế số,

thương mại điện tử, trí tuệ nhân tạo và các mô hình kinh doanh mới đang làm xuất hiện nhiều vấn đề pháp lý chưa từng có tiền lệ. Các quy định về giao dịch điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, sở hữu trí tuệ, bảo vệ người tiêu dùng trên môi trường số đang trở thành những lĩnh vực pháp lý mà doanh nghiệp phải đặc biệt quan tâm.

Bên cạnh đó, xu hướng chuyển đổi xanh và phát triển bền vững cũng đặt ra nhiều yêu cầu mới liên quan đến bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng năng lượng tái tạo, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và các tiêu chuẩn môi trường quốc tế. Các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam tham gia cũng kéo theo nhiều cam kết pháp lý liên quan đến lao động, môi trường, đầu tư, sở hữu trí tuệ và cạnh tranh.

Trong bối cảnh đó, nhu cầu được hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp ngày càng đa dạng, chuyên sâu và thường xuyên hơn. Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp vì thế cần được đổi mới theo hướng chủ động, hiện đại và lấy nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp làm trung tâm.

Đối với tỉnh Quảng Trị, thực trạng hiện nay cho thấy, phần lớn doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ nên nguồn lực còn hạn chế. Nhiều doanh nghiệp chưa có bộ phận pháp chế hoặc cán bộ chuyên trách về pháp luật. Việc tiếp cận các dịch vụ tư vấn pháp lý chuyên nghiệp còn gặp khó khăn về chi phí và điều kiện tiếp cận. Trong khi đó, nguồn lực dành cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của các cơ quan nhà nước có liên quan còn hạn chế; trong đó có nguồn lực để giải quyết thủ tục hành chính “Đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa” được phân cấp từ Bộ Tư pháp khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp. Do chưa được cấp nguồn trong năm 2026, chưa xác định được phương thức quyết toán nên việc thủ tục này chưa đảm bảo cơ sở thực thi, gây khó khăn cho cả cơ quan nhà nước và doanh nghiệp khi phát sinh hồ sơ. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ, công chức thực

hiện nhiệm vụ này chủ yếu kiêm nhiệm; các hình thức hỗ trợ pháp lý chuyên sâu chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu ngày càng đa dạng của doanh nghiệp.

Trong những năm qua, cùng với việc triển khai các chương trình cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã có nhiều quan tâm. Các cơ quan nhà nước đã tổ chức các hoạt động phổ biến, cập nhật văn bản pháp luật mới; tổ chức đối thoại với doanh nghiệp; tiếp nhận và giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngành Tư pháp tỉnh Quảng Trị đã tích cực tham mưu triển khai các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; tăng cường cung cấp thông tin pháp luật; tham gia rà soát, thẩm định, góp ý hoàn thiện chính sách liên quan đến doanh nghiệp; phối hợp với các sở, ngành liên quan trong việc hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về mặt pháp lý cho nhiều doanh nghiệp đối với từng dự án cụ thể; tham mưu UBND tỉnh công bố các thủ tục hành chính về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong đó có thủ tục Đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; khảo sát nhu cầu tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh để đề xuất UBND tỉnh bổ sung nguồn kinh phí cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp sau khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

Một trong những giải pháp có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là xây dựng và phát triển mạng lưới tư vấn viên pháp luật. Mạng lưới này có thể bao gồm luật sư, luật gia, chuyên gia pháp lý, chuyên gia kinh tế, giảng viên các cơ sở đào tạo luật, các tổ chức hành nghề luật và những người có kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Thông qua mạng lưới tư vấn viên pháp luật, doanh nghiệp sẽ có điều kiện tiếp cận các dịch vụ tư vấn chuyên

sâu, được hỗ trợ giải quyết những vấn đề pháp lý phức tạp mà cơ chế hỗ trợ pháp lý thông thường khó đáp ứng. Đồng thời, đây cũng là giải pháp góp phần xã hội hóa hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, huy động nguồn lực xã hội tham gia hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp phát triển.

Việc xây dựng mạng lưới tư vấn viên pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp không chỉ phù hợp với chủ trương phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa mà còn đảm bảo nguồn nhân lực liên quan đến thủ tục hành chính “Đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa” và đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng công tác hỗ trợ pháp lý trong điều kiện chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Để công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thực sự trở thành điểm tựa cho cộng đồng doanh nghiệp, theo tác giả cần tập trung thực hiện đồng bộ một số giải pháp trọng tâm.

Một là, tiếp tục hoàn thiện thể chế và nâng cao chất lượng tổ chức thi hành pháp luật; kịp thời rà soát, kiến nghị sửa đổi các quy định còn chồng chéo, bất cập, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Hai là, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội nghề nghiệp và cộng đồng doanh nghiệp trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Ba là, đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu pháp luật phục vụ doanh nghiệp; đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ pháp lý trực tuyến cho doanh nghiệp.

Bốn là, tăng cường đối thoại, khảo sát nhu cầu và hỗ trợ theo chuyên đề phù hợp với từng nhóm doanh nghiệp.

Năm là, đối với thủ tục hành chính “Đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa”, đây là thủ tục được phân cấp về từ Bộ Tư pháp khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, trường hợp nhiệm vụ được phân cấp làm phát sinh nghĩa vụ chi từ ngân sách địa phương nhưng chưa được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm, Bộ Tư pháp cần phối hợp với Bộ Tài chính có hướng

dẫn hoặc cơ chế hỗ trợ nguồn lực phù hợp để bảo đảm tính khả thi khi triển khai thực hiện. Qua đó, các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách, trong đó có Quảng Trị mới có cơ sở xây dựng mạng lưới tư vấn viên pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Sáu là, chú trọng xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật trong doanh nghiệp như một mục tiêu xuyên suốt của công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường hiện đại, doanh nghiệp cần vốn, công nghệ, nguồn nhân lực và thị trường để phát triển; nhưng để phát triển bền vững thì không thể thiếu một nền tảng pháp lý vững chắc. Quan tâm hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chính là đầu tư cho sự phát triển lâu dài của doanh nghiệp, cho chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh và cho năng lực cạnh tranh của địa phương.

Đối với tỉnh Quảng Trị, trong bối cảnh đang tập trung thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư, phát triển năng lượng, logistics, kinh tế biển, chuyển đổi số và phát triển khu vực kinh tế tư nhân theo tinh thần các chủ trương mới của Đảng, việc nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Khi doanh nghiệp được tiếp cận đầy đủ thông tin pháp luật, được hỗ trợ kịp thời trong quá trình hoạt động và được hình thành văn hóa tuân thủ pháp luật, doanh nghiệp sẽ có thêm niềm tin và động lực để đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh. Đây cũng chính là nền tảng để xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, an toàn và hấp dẫn, góp phần hiện thực hóa khát vọng phát triển nhanh và bền vững của tỉnh Quảng Trị trong giai đoạn mới.

(1) Hiện nay toàn tỉnh có hơn 10.000 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh, hoạt động thuộc tất cả các lĩnh vực, thành phần kinh tế; trong đó doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ chiếm khoảng trên 95% (theo Văn bản số 33/HDN ngày 16/3/2026 của Hội Doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị về việc phối hợp khảo sát nhu cầu hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa).

Nhìn lại một năm thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy Hội đồng nhân dân theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp tại tỉnh Quảng Trị

■ TRẦN CÔNG TRUNG

Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội khóa XV được thông qua ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh là một quyết sách mang tầm chiến lược, đánh dấu bước đột phá mạnh mẽ trong tiến trình tinh gọn bộ máy và đổi mới tư duy quản trị quốc gia. Qua một năm triển khai thực tế, mô hình này đã khẳng định tính đúng đắn và đem lại những chuyển biến sâu sắc. Tỉnh Quảng Trị (mới) được thiết lập dựa trên việc sáp nhập toàn bộ diện tích và dân số của hai tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị (cũ), hình thành một địa bàn chiến lược vững chắc tại khúc ruột miền Trung.

Sau sáp nhập, tỉnh Quảng Trị sở hữu những thông số địa lý và nhân khẩu học mang tầm vóc mới: chiều dài toàn tỉnh đạt khoảng 305 km; phía Tây giáp nước Cộng hòa Dân chủ

Nhân dân Lào (đường biên giới đất liền khoảng 410 km); phía Bắc giáp tỉnh Hà Tĩnh và phía Nam giáp thành phố Huế, phía đông giáp biển Đông với đường bờ biển dài khoảng 191 km. Với diện tích tự nhiên khoảng 12.700 km² và quy mô dân số đạt khoảng 1.870 nghìn người, tỉnh nắm giữ vị thế địa - chính trị quan trọng đặc biệt trên trục giao thông huyết mạch Bắc - Nam. Đây là vùng đất chuyển tiếp văn hóa - kinh tế giữa hai miền, đồng thời là cửa ngõ Hành lang kinh tế Đông - Tây kết nối sâu rộng khu vực lục địa với Biển Đông qua hệ thống cảng biển, cửa khẩu quốc tế và sân bay đang được đầu tư đồng bộ.

Về tổ chức hành chính, một cuộc đại cách mạng về tinh gọn đầu mối đã diễn ra khi đơn vị hành chính cấp xã được giảm mạnh từ 264 xuống còn 78 xã, phường, đặc khu (giảm tới

186 đơn vị, tương ứng tỷ lệ tinh giản lên đến 70,45%). Với trung tâm chính trị - hành chính đặt tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị có địa vô cùng to lớn để phát triển công nghiệp, năng lượng, dịch vụ logistics, kinh tế biển và du lịch sinh thái - lịch sử nhờ sở hữu Di sản thiên nhiên thế giới Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng cùng hệ thống di tích lịch sử cách mạng hào hùng.

Tuy nhiên, việc vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đồng nghĩa với việc phân định lại toàn bộ chức năng, nhiệm vụ giữa cấp tỉnh và cấp xã. Một mặt, mô hình này giúp rút ngắn quy trình xử lý công việc, đẩy mạnh phân cấp phân quyền và hiện đại hóa hành chính. Mặt khác, nó đặt ra những áp lực, thách thức chưa từng có đối với HĐND các cấp. Khi địa bàn cơ sở mở rộng, quy mô dân số một xã tăng gấp nhiều lần và khối lượng quản lý của chính quyền cấp xã trở nên khổng lồ, vai trò quyết định và giám sát của cơ quan dân cử cần phải được định vị và vận hành như thế nào để bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân? Đó là câu hỏi mang tính thời sự và có ý nghĩa lý luận, thực tiễn sâu sắc sau một năm nhìn lại.

Ý thức được tầm quan trọng mang tính lịch sử của mô hình mới, ngay từ khi bộ máy đi vào vận hành (ngày 01/7/2025), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy Quảng Trị đã tập trung cao độ lãnh đạo, chỉ đạo sát sao. Tỉnh ủy đã kịp thời ban hành hệ thống văn bản chỉ đạo nhằm cụ thể hóa, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn của Trung ương; đồng thời phân công cụ thể các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp phụ trách địa bàn để nắm bắt tâm tư, tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn phát sinh tại cơ sở.

Dưới sự định hướng của Đảng ủy Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh đã chủ động phối hợp chặt chẽ với UBND tỉnh và Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam

tinh quán triệt sâu sắc trong công tác lập quy tại địa phương. Các hồ sơ dự thảo nghị quyết đều được rà soát kỹ lưỡng về căn cứ pháp lý, thẩm quyền, đánh giá tác động kinh tế - xã hội và tính khả thi trước khi trình kỳ họp. Tại cấp cơ sở, Đảng ủy các xã, phường cũng tập trung kiện toàn Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và các Tổ đại biểu nhằm bảo đảm tính liên tục, không để trống hoặc đứt gãy vai trò đại diện của người dân trong giai đoạn chuyển tiếp.

Đến nhiệm kỳ 2026 - 2031, cơ cấu tổ chức bộ máy HĐND hai cấp tại Quảng Trị đã được định hình chính thức, tinh gọn nhưng bảo đảm hiệu năng tối đa. Cấu trúc nhân sự và tổ chức được quy định bài bản:

HĐND cấp tỉnh gồm 62 đại biểu. Thường trực HĐND tỉnh có 07 đồng chí, bao gồm Chủ tịch HĐND tỉnh (do Phó Bí thư Tỉnh ủy kiêm nhiệm), 02 Phó Chủ tịch hoạt động chuyên trách và 04 Ủy viên là các Trưởng ban HĐND tỉnh. Tỉnh thành lập 04 Ban chuyên trách (Pháp chế, Kinh tế - Ngân sách, Văn hóa - Xã hội, Dân tộc) với số lượng đại biểu chuyên trách được tăng cường mạnh mẽ nhằm nâng cao chất lượng thẩm tra. Cơ quan giúp việc là Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh gồm Chánh Văn phòng, 05 Phó Chánh Văn phòng và 04 phòng trực thuộc; toàn tỉnh được chia thành 20 Tổ đại biểu HĐND tỉnh.

HĐND cấp xã. Toàn tỉnh có 1.623 đại biểu phân bổ tại 78 xã, phường, đặc khu. Thường trực HĐND mỗi đơn vị gồm 04 đồng chí: Chủ tịch (Bí thư hoặc Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch hoạt động chuyên trách và 02 Ủy viên là Trưởng ban của 02 Ban HĐND cấp xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội).

Việc tăng cường số lượng đại biểu hoạt động chuyên trách tại các Ban của HĐND tỉnh là một điểm sáng lớn trong cải cách tổ chức bộ máy, tạo tiền đề chuyên nghiệp hóa hoạt

động lập quy và giám sát, giúp các quyết sách lớn mang tính liên vùng, liên tỉnh được thẩm định thấu đáo.

Sau một năm vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, hiệu quả thực tiễn từ các hoạt động thuộc chức năng của HĐND được thể hiện dưới hai phương diện cơ bản.

Thứ nhất, hoạt động kỳ họp và ban hành nghị quyết tháo gỡ vướng mắc

Trong một năm đầy biến động của giai đoạn chuyển tiếp, HĐND tỉnh Quảng Trị đã chứng minh năng lực phản ứng chính sách nhanh nhạy và hiệu quả. Từ tháng 7/2025 đến ngày 15/5/2026, HĐND tỉnh đã tổ chức thành công liên tiếp 08 kỳ họp (bao gồm cả thường lệ và chuyên đề), ban hành 131 nghị quyết, trong đó có 27 nghị quyết quy phạm pháp luật. Đây là những công cụ pháp lý tối quan trọng nhằm điều hành nhân sự, thành lập các cơ quan chuyên môn, phân bổ ngân sách, quản lý đầu tư công và đất đai công sản, giúp toàn bộ hệ thống chính quyền địa phương vận hành thông suốt, không một ngày bị gián đoạn.

Song song với đó, Văn phòng HĐND tỉnh đã tiến hành rà soát, tự kiểm tra toàn bộ các nghị quyết do HĐND hai tỉnh cũ ban hành nhằm loại bỏ các quy định chồng chéo, tạo hành lang pháp lý đồng nhất. Ở cấp xã, các kỳ họp HĐND cũng diễn ra nền nếp, chủ động đề quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, giải quyết trực tiếp các bài toán an sinh xã hội sát sườn với đời sống cư dân.

Thứ hai, đổi mới công tác giám sát, tiếp xúc cử tri và cơ chế phối hợp

Trong bối cảnh không còn cấp huyện, hoạt động giám sát được HĐND tỉnh xác định là mũi nhọn để giữ vững kỷ cương, kỷ luật hành chính. Nội dung giám sát bám sát các lĩnh vực trọng điểm như quản lý đất đai, ngân sách, tài nguyên môi trường và phòng chống lãng phí. Đặc biệt, Ban Pháp chế HĐND tỉnh đã chủ động triển khai cuộc giám sát chuyên đề quy mô lớn

về “Công tác tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương hai cấp sau sắp xếp” đối với UBND tỉnh, Sở Nội vụ và hệ thống chính quyền cấp xã từ ngày 01/7/2025 đến 30/4/2026. Hoạt động này giúp chỉ rõ các vướng mắc trong phân cấp, phân quyền và kiểm tra nội bộ.

Công tác tiếp xúc cử tri có sự chuyển biến mạnh mẽ về chất. Thường trực HĐND tỉnh đã phối hợp tổng hợp tới 611 ý kiến, kiến nghị của cử tri, chuyển giao trực tiếp và giám sát nghiêm ngặt tiến độ giải quyết của các cơ quan có thẩm quyền. Mối quan hệ phối hợp giữa Thường trực HĐND với Đoàn ĐBQH, UBND và Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh ngày càng đi vào chiều sâu. Các điều kiện bảo đảm về hạ tầng công nghệ thông tin, quản lý hồ sơ điện tử, chữ ký số cũng từng bước được ứng dụng tại cấp xã, tạo những viên gạch đầu tiên cho lộ trình xây dựng mô hình “HĐND số” trong tương lai gần.

Bên cạnh những kết quả tích cực bước đầu, thực tiễn vận hành sau một năm cũng bộc lộ những khó khăn, thách thức mang tính hệ thống cần nhận diện đầy đủ và đánh giá khách quan dưới góc độ chính luận:

Một là, sự bất cập về bộ máy tham mưu và áp lực quá tải tại cơ sở: Khi sáp nhập, quy mô dân số và địa bàn cấp xã phình to, khối lượng công việc tăng lên gấp nhiều lần. Tuy nhiên, Văn phòng HĐND và UBND cấp xã hiện nay vẫn dùng chung, cán bộ chuyên trách mỏng, phần lớn là kiêm nhiệm. Sự bất cập này khiến cho công tác tham mưu, giúp việc cho HĐND cấp xã chưa thật sự tương xứng với tầm vóc của một đơn vị quản lý đa ngành ở cơ sở. Tại cấp tỉnh, biên chế thực tế của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh còn thấp so với chỉ tiêu được giao, phần nào tạo áp lực lớn cho đội ngũ tham mưu.

Hai là, chất lượng hoạt động dân cử cấp xã chưa đồng đều: Trong mô hình hai cấp, địa bàn rộng nhưng điều kiện hoạt động còn hạn chế khiến một bộ phận đại biểu cấp xã chưa thích

ứng kịp. Kỹ năng thẩm tra, giám sát, chất vấn và phân tích thông tin từ cơ sở của đại biểu còn bộc lộ những hạn chế nhất định; chất lượng ban hành nghị quyết giữa các địa phương có sự chênh lệch rõ rệt.

Ba là, sự thiếu hụt các điều kiện bảo đảm và công nghệ dùng chung: Hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở vật chất và phòng họp của HĐND cấp xã sau sáp nhập chưa đồng đều. Việc số hóa các kết luận giám sát, kiến nghị cử tri chưa được chuẩn hóa trên một nền tảng dữ liệu dùng chung, gây cản trở cho công tác theo dõi, đôn đốc sau giám sát.

Sự tồn tại của các hạn chế trên xuất phát từ cả yếu tố khách quan lẫn chủ quan.

Về khách quan, đây là một chủ trương lớn, chưa có tiền lệ, thời gian triển khai gấp rút, hệ thống pháp luật chưa kịp sửa đổi đồng bộ. Địa hình tỉnh Quảng Trị mới được mở rộng, chia cắt bởi nhiều vùng miền núi, biên giới, hải đảo, tạo khoảng cách cơ học xa xôi từ người dân đến trung tâm hành chính.

Về chủ quan, năng lực thích ứng và kỹ năng số của một bộ phận cán bộ, đại biểu chưa theo kịp yêu cầu. Đội ngũ tham mưu phải gánh vác nhiều việc kiêm nhiệm, và việc đầu tư nguồn lực, hạ tầng kỹ thuật số cho cơ quan dân cử chưa được quan tâm đúng mức.

Để tiếp tục tối ưu hóa mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, đưa HĐND nói chung thực sự trở thành hạt nhân quyền lực hoạt động hiệu lực, hiệu quả, cần tập trung thực hiện đồng bộ bốn nhóm giải pháp mang tính chiến lược sau:

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế và kiến nghị lập pháp: Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội cần khẩn trương rà soát, ban hành các văn bản hướng dẫn chuyên sâu về tổ chức, hoạt động của HĐND trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Cần luật hóa rõ ràng mối quan hệ chỉ đạo, phối hợp

giữa HĐND tỉnh và HĐND cấp xã; đồng thời phân định tường minh thẩm quyền quyết định và giám sát trong các lĩnh vực phức tạp như đất đai, đầu tư công, quản lý, sử dụng tài sản công khi không còn cấp huyện nhằm đảm bảo tính thống nhất, hiệu lực, hiệu quả, tránh chồng chéo.

Thứ hai, cải cách tổ chức, nhân sự HĐND cấp xã: Cần nghiên cứu cơ chế đặc thù để tăng số lượng đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách hoặc bố trí thêm đại biểu chuyên trách đối với những xã, phường có quy mô dân số lớn, địa bàn đặc biệt rộng hoặc khối lượng công việc quá tải. Có chính sách đãi ngộ, hỗ trợ kinh phí thỏa đáng cho đại biểu hoạt động không chuyên trách tại các vùng sâu, vùng xa, biên giới.

Thứ ba, đổi mới căn bản công tác bồi dưỡng đại biểu: Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Công tác đại biểu phối hợp với địa phương thiết kế lại chương trình tập huấn theo hướng chuyên sâu, phân loại theo từng nhóm đối tượng (Thường trực, các Ban, Tổ đại biểu). Nội dung bồi dưỡng phải lấy thực hành làm gốc, tập trung vào kỹ năng thẩm tra ngân sách, quyết định đầu tư công, kỹ năng chất vấn, giải trình và ứng dụng công nghệ số để tương tác với cử tri.

Thứ tư, đầu tư hạ tầng công nghệ, hướng tới “HĐND số”: Trung ương và tỉnh cần ưu tiên phân bổ nguồn lực, kinh phí để đồng bộ hóa cơ sở vật chất, phòng họp trực tuyến cho HĐND cấp xã. Khẩn trương xây dựng và vận hành một nền tảng dữ liệu dùng chung duy nhất để quản lý, theo dõi xuyên suốt từ nghị quyết, kết luận giám sát cho đến tiến độ giải quyết các kiến nghị của cử tri trên toàn tỉnh.

(Số liệu nêu trong bài viết được trích dẫn theo Báo cáo số 264/BC-HĐND ngày 23/5/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị sơ kết 01 năm thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy HĐND 02 cấp)

MỘT SỐ KINH NGHIỆM VỀ HỒ SƠ PHÁP LÝ CỦA TÀI SẢN KHÍ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

■ TUYẾT HÀ

Theo quy định tại Điều 56 Luật Đấu giá tài sản, sau khi có quyết định của người có thẩm quyền về việc đấu giá tài sản, người có tài sản đấu giá thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của mình và Cổng đấu giá tài sản quốc gia về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

Thực hiện quy định này, người có tài sản đấu giá đã thực hiện công khai lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định. Sau khi tổ chức đấu giá nộp hồ sơ tham gia xét chọn tổ chức đấu giá và được lựa chọn, đơn vị có tài sản ban hành quyết định lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, gửi thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá và tiến hành thương thảo ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với tổ chức hành nghề đấu giá tài sản vào giờ hành chính của tất cả các ngày trong tuần hoặc thỏa thuận thời gian khác.

Khi ký kết hợp đồng đấu giá tài sản, người có tài sản đấu giá có trách nhiệm cung cấp cho tổ chức đấu giá tài sản bằng chứng chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc quyền được bán tài sản theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về bằng chứng đó. Tùy theo từng tài sản, tính chất của từng loại tài sản mà người có tài sản đấu giá chuyển giao cho tổ chức hành nghề đấu giá tài sản những giấy tờ liên quan đến tài sản đấu giá khác nhau. Trong phạm vi bài viết này, xin trao đổi một vài kinh nghiệm về hồ sơ pháp lý của

tài sản khi ký kết hợp đồng đấu giá tài sản thể hiện qua những giấy tờ, tài liệu của một số loại tài sản cơ bản mà người có tài sản đấu giá phải chuyển giao cho tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, cụ thể như sau:

Thứ nhất, đối với tài sản là quyền sử dụng đất trong trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất

Đối với tài sản là quyền sử dụng đất trong trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất, các tài liệu mà người có tài sản đấu giá chuyển giao cho tổ chức hành nghề đấu giá tài sản là quyết định lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá; quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết khu đất; quyết định phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất (QSDĐ); quyết định đấu giá QSD khu đất; quyết định phê duyệt giá đất cụ thể và giá khởi điểm để đưa ra đấu giá khu đất; bản đồ khu đất, bước giá...

Về số lượng hồ sơ cung cấp, các loại tài liệu trên, mỗi loại 01 bản là bản sao/bản chính.

Thứ hai, đối với tài sản thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự

Đối với tài sản thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, tài liệu mà người có tài sản đấu giá chuyển giao cho tổ chức hành nghề đấu giá tài sản là: Quyết định lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản; thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá; văn bản đề nghị

ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản của cơ quan Thi hành án dân sự; bản án hoặc quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án nhân dân; quyết định Thi hành án của thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự; quyết định về việc cưỡng chế kê biên xử lý tài sản của Chấp hành viên cơ quan Thi hành án dân sự; biên bản về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản của Chấp hành viên cơ quan Thi hành án dân sự; chứng thư thẩm định giá hoặc biên bản thỏa thuận về giá khởi điểm của tài sản kê biên (tổ chức đấu giá lần đầu); hoặc quyết định về việc giảm giá tài sản của Chấp hành viên cơ quan Thi hành án dân sự (tổ chức đấu giá từ lần thứ 2 trở đi) (nếu giảm giá); các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến tài sản (nếu có) như: các tài liệu liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, văn bản giám định chất lượng, giám định hàm lượng, giám định số khung, số máy (đối với phương tiện giao thông)...

Về số lượng hồ sơ cung cấp, các loại tài liệu trên, mỗi loại 01 bản là bản sao/bản chính.

Thứ ba, đối với tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm

Đối với tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm, tài liệu mà người có tài sản đấu giá chuyển giao cho tổ chức hành nghề đấu giá tài sản là: Quyết định lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản; thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá; các giấy tờ liên quan đến quan hệ tín dụng: Hợp đồng thế chấp tài sản, Hợp đồng tín dụng; Giấy tờ tài liệu chứng minh quyền sử dụng, sở hữu tài sản; Giấy tờ tài liệu liên quan đến quá trình xử lý nợ, xử lý tài sản bảo đảm..., cụ thể như sau:

- Các giấy tờ tài liệu là căn cứ phát sinh yêu cầu đấu giá tài sản bảo đảm: Hợp đồng tín dụng; hợp đồng thế chấp, khế ước nhận nợ, văn bản chứng nhận giao dịch bảo đảm; thông báo quá hạn (các lần); thông báo xử lý tài sản bảo đảm, các biên bản làm việc trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm; biên bản bàn giao tài sản để xử lý;...

- Các giấy tờ liên quan đến tài sản bảo đảm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; các giấy tờ liên quan đến tài

sản bảo đảm: Giấy phép xây dựng, giấy phép đăng ký xe ô tô, mô tô..., chứng chỉ quy hoạch, sơ đồ thiết kế...;

- Các giấy tờ tài liệu xác định giá trị, chất lượng, hiện trạng của tài sản bảo đảm; xác định giá khởi điểm: Chứng thư giám định (nếu có), chứng thư thẩm định giá hoặc biên bản thỏa thuận giá khởi điểm;

- Đơn yêu cầu đăng ký tài sản giao dịch bảo đảm, yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm.

Về số lượng hồ sơ cung cấp, các loại tài liệu trên, mỗi loại 01 bản là bản sao/bản chính.

Thứ tư, đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ nhà nước

Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ nhà nước, tài liệu mà người có tài sản đấu giá chuyển giao cho tổ chức hành nghề đấu giá tài sản là: Quyết định lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản; thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá; phương án xử lý tài sản do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP (nếu có); quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính; văn bản xác định giá khởi điểm/định giá tang vật, phương tiện hoặc hóa đơn, chứng từ thể hiện giá trị tang vật phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu hoặc quyết định phê duyệt giá khởi điểm; biên bản vi phạm hành chính; các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (nếu có) như: các tài liệu liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, văn bản giám định chất lượng, giám định hàm lượng, giám định số khung, số máy (đối với phương tiện giao thông)...

Về số lượng hồ sơ cung cấp, các loại tài liệu trên, mỗi loại 01 bản là bản sao/bản chính.

Thứ năm, đối với tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

Đối với tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước,

(Xem tiếp trang 25)

XU HƯỚNG CHUYỂN ĐỔI XANH VÀ CHÍNH SÁCH THUẾ TIÊU THU ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI XE ĐIỆN CHẠY BẰNG PIN TẠI VIỆT NAM

■ LÊ MINH

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu đang diễn ra phức tạp, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh, giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường đã trở thành yêu cầu cấp bách đối với mọi quốc gia. Tại Việt Nam, cam kết mạnh mẽ của Chính phủ tại Hội nghị COP26 nhằm đạt mức phát thải ròng bằng “0” (Net Zero) vào năm 2050 đã thúc đẩy toàn bộ hệ thống chính trị và nền kinh tế bước vào một kỷ nguyên chuyển dịch năng lượng sâu sắc. Trong số các ngành công nghiệp chịu áp lực giảm phát thải lớn nhất, giao thông vận tải đóng vai trò mang tính quyết định. Nhằm định hướng hành vi tiêu dùng, giảm sự phụ thuộc vào nguồn nhiên liệu hóa thạch và hỗ trợ mạnh mẽ cho ngành công nghiệp xe điện trong nước, ngày 24/4/2026, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân (TNCN), Luật Thuế giá trị gia tăng (GTGT), Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) (gọi tắt là Luật số 09/2026/QH16); Luật có hiệu lực thi hành từ ngày được thông qua. Sự ra đời của Luật số 09/2026/QH16 là một bước đi đột phá, trong đó, các nội dung thay đổi về Thuế Tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) đối với xe điện chạy bằng pin là cơ sở vững chắc cho lộ trình giao thông xanh tại Việt Nam.

Chính sách thuế TTĐB ưu đãi đối với xe điện chạy bằng pin là sự thể chế hóa một cách đồng bộ các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về tăng trưởng xanh, chuyển đổi năng lượng và bảo vệ môi trường. Về mặt thực

tiễn, sự cần thiết phải hoàn thiện chính sách ưu đãi thuế TTĐB xuất phát từ thực trạng ô nhiễm không khí báo động tại Việt Nam. Đặc biệt tại các khu vực kinh tế trọng điểm như Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, ô nhiễm không khí tiếp tục gia tăng với tốc độ đáng báo động, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng cuộc sống. Theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia, hoạt động giao thông vận tải đóng góp tới 70% - 90% lượng khí CO và khoảng 40% - 60% lượng khí NO tại các đô thị lớn, trong đó khí thải từ các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ chiếm tỷ trọng lớn nhất. Dù người dân đã có xu hướng chuyển sang sử dụng các loại phương tiện thân thiện với môi trường, tốc độ tăng trưởng của xe điện vẫn chưa đủ sức đuổi kịp lượng xe xăng sản xuất và bán ra thị trường. Để cải thiện chất lượng không khí, Chính phủ đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp như kiểm soát tiêu chuẩn khí thải, phân vùng hạn chế xe máy, đầu tư cơ sở hạ tầng nhưng cốt lõi vẫn là giải pháp tài chính để kích thích chuyển đổi từ phương tiện chạy bằng nhiên liệu hóa thạch sang phương tiện sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường như xe ô tô điện chạy bằng pin.

Nhìn lại giai đoạn trước, để góp phần giảm phát thải và định hướng tiêu dùng xe xanh, Quốc hội đã ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật Thi hành án dân sự quy định thuế suất

thuế TTĐB đối với xe ô tô điện chạy bằng pin theo lộ trình áp dụng từ ngày 01/3/2022 với mức rất thấp là 1%, 2%, 3% và dự kiến tăng lên thành 4%, 7%, 11% từ ngày 01/3/2027 tùy theo số chỗ ngồi. Qua hơn 04 năm triển khai, chính sách ưu đãi này đã thể hiện tính hiệu quả vượt trội khi góp phần giảm giá bán trực tiếp, tạo động lực kinh tế rõ ràng cho người tiêu dùng lựa chọn sản phẩm thân thiện với môi trường thay thế xe xăng. Thực tế cho thấy số lượng xe ô tô điện tiêu thụ tại Việt Nam đã bùng nổ mạnh mẽ từ 7.663 chiếc vào năm 2022 lên tới 179.316 chiếc vào năm 2025. Đi kèm với sự tăng trưởng về số lượng phương tiện, số thu ngân sách nhà nước đối với nhóm xe có gắn động cơ dưới 24 chỗ chạy bằng pin cũng tăng từ 213,38 tỷ đồng (năm 2022) lên mức 2.371,97 tỷ đồng (năm 2025) nhờ thị trường được mở rộng. Việc chuyển đổi xe xanh này đã trực tiếp giảm lượng khí thải độc hại, hỗ trợ giảm sử dụng nhiên liệu hóa thạch và đóng góp tích cực vào tiến trình thực hiện mục tiêu bền vững.

Xu hướng chuyển dịch này hoàn toàn phù hợp với thế giới khi các quốc gia đều nỗ lực hạn chế hoặc loại bỏ dần phương tiện chạy bằng nhiên liệu hóa thạch. Điển hình tại khu vực Đông Nam Á, Singapore đặt mục tiêu loại bỏ hoàn toàn xe nhiên liệu hóa thạch vào năm 2040, hỗ trợ phí đăng ký lên tới 20.000 SGD cho xe điện và dự kiến xây dựng 28.000 trạm sạc vào năm 2030. Trung Quốc miễn thuế mua xe 10% và miễn thuế TTĐB cho xe điện đến năm 2027, trợ cấp trực tiếp cho người mua xe lên đến 12.000 USD, áp dụng tỷ lệ xe năng lượng mới bắt buộc cho nhà sản xuất, điện hóa toàn bộ taxi tại các đô thị lớn và xây dựng hệ thống trạm sạc nhanh rộng khắp. Tại Liên minh Châu Âu (EU), nhiều nước áp dụng chính sách miễn, giảm thuế giá trị gia tăng để hạ giá thành. Na Uy đi đầu khi miễn thuế GTGT, phí đăng ký, thuế đường bộ, phí cầu đường, bãi đỗ xe công cộng và cho phép xe điện đi vào làn đường ưu tiên. Đức áp dụng trợ cấp 3.000 - 5.000 EUR và miễn thuế sở hữu phương tiện trong 10 năm cho xe điện đăng ký mới đến hết năm 2025, Pháp hỗ trợ lên tới 7.000 EUR khi đổi xe cũ, còn Hà Lan giảm 30% thuế ô tô cho xe điện từ năm 2026.

Đặc biệt, cơ chế “siêu tín dụng” năm 2025 của Ủy ban Châu Âu (EC) dành cho các hãng sản xuất xe điện nhỏ, giá rẻ đã giúp giảm đáng kể áp lực thuế các-bon cho doanh nghiệp. Ngoài ra, một số nước như Columbia hạ thuế suất GTGT xe điện xuống 5% so với mức tiêu chuẩn 19%, hay Vương quốc Anh hỗ trợ tài chính cho người dân lắp đặt trạm sạc tại nhà.

Từ kinh nghiệm thực tiễn quốc tế, Luật số 09/2026/QH16 đã quy định tiếp tục kéo dài thời gian áp dụng thuế suất thuế TTĐB ưu đãi hiện hành đối với xe điện chạy bằng pin đến hết năm 2030. Việc gia hạn này nhằm đảm bảo tính nhất quán của chính sách với các mục tiêu bảo vệ môi trường, giảm phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch trong bối cảnh giá năng lượng truyền thống biến động mạnh và nguồn cung toàn cầu đối mặt với nguy cơ thiếu hụt. Cụ thể, tại Điều 4 của Luật số 09/2026/QH16, Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xe có gắn động cơ dưới 24 chỗ chạy bằng pin đã được sửa đổi, bổ sung phân loại theo lộ trình chặt chẽ. Đối với xe ô tô chở người và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ từ 9 chỗ trở xuống, xe ô tô pick-up chở người, mức thuế suất từ ngày 01/01/2026 được duy trì ổn định ở mức 3% và sẽ điều chỉnh lên 11% kể từ ngày 01/01/2031. Đối với xe ô tô chở người và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ từ 10 đến dưới 16 chỗ, mức thuế suất áp dụng từ ngày 01/01/2026 là 2% và từ ngày 01/01/2031 là 7%. Đối với dòng xe chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ, mức thuế suất từ ngày 01/01/2026 là 1% và từ ngày 01/01/2031 là 4%. Cuối cùng, đối với nhóm xe ô tô vận tải chuyên dụng quy mô nhỏ bao gồm xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép, xe ô tô tải VAN có từ hai hàng ghế trở lên và có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người với khoang chở hàng, mức thuế suất áp dụng từ ngày 01/01/2026 là 2% và từ ngày 01/01/2031 là 7%.

Cấu trúc biểu thuế mới thể hiện tư duy lập pháp hết sức logic và phân hóa rõ rệt mục tiêu điều tiết vĩ mô. Nhà nước dành mức ưu đãi lớn nhất (chỉ 1%) cho dòng xe vận tải hành khách khối lượng lớn từ 16 đến dưới 24 chỗ nhằm khuyến khích các doanh nghiệp xanh hóa hệ thống giao thông công cộng và dịch vụ vận chuyển. Trong khi đó, mức thuế 3% dành cho

xe cá nhân dưới 9 chỗ dù là mức trần trong nhóm xe điện nhưng vẫn thấp hơn rất nhiều so với mức thuế suất hàng chục phần trăm áp dụng cho các dòng xe chạy bằng nhiên liệu hóa thạch có cùng dung tích xi-lanh, duy trì lợi thế cạnh tranh cốt lõi cho xe xanh. Việc ban hành và kéo dài lộ trình thuế suất ưu đãi thấp đến hết năm 2030 tạo ra một hành lang pháp lý an toàn, ổn định dài hạn giúp các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp trong nước cũng như các đơn vị nhập khẩu chủ động xây dựng chiến lược kinh doanh bền vững, xóa bỏ tâm lý e ngại về nguy cơ tăng thuế đột ngột theo lộ trình cũ.

Chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xe điện chạy bằng pin theo Luật số 09/2026/QH16 là minh chứng rõ nét cho một tư duy lập pháp kiến tạo, hài hòa giữa lợi ích môi trường và thúc đẩy phát triển kinh tế. Qua đó, Việt Nam không chỉ khẳng định cam kết chính trị

vững chắc trước cộng đồng quốc tế về mục tiêu tăng trưởng xanh mà còn trực tiếp kích cầu tiêu dùng nội địa đối với các sản phẩm công nghệ sạch. Để chính sách ưu đãi thuế này phát huy tối đa hiệu quả trong thực tế, thời gian tới đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ từ các bộ, ngành trong việc quy hoạch đồng bộ hạ tầng trạm sạc công cộng, hỗ trợ nguồn tín dụng xanh cho các nhà sản xuất và xây dựng các cơ chế ưu tiên phi tài chính cho người sử dụng, đưa Việt Nam vững bước vào kỷ nguyên giao thông xanh bền vững.

(1) Theo Tài liệu Giới thiệu Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế thu nhập cá nhân, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế thu nhập doanh nghiệp và luật thuế tiêu thụ đặc biệt số 09/2026/QH16.

(2) Theo Tài liệu Giới thiệu Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế thu nhập cá nhân, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế thu nhập doanh nghiệp và luật thuế tiêu thụ đặc biệt số 09/2026/QH16.

MỘT SỐ KINH NGHIỆM...

(Tiếp theo trang 22)

tài liệu mà người có tài sản đấu giá chuyển giao cho tổ chức hành nghề đấu giá tài sản là: Quyết định lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản; thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá; quyết định về việc bán tài sản nhà nước của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; văn bản xác định giá khởi điểm của tài sản hoặc quyết định phê duyệt giá khởi điểm; quyết định phê duyệt phương án đấu giá hoặc quyết định phê duyệt phương án sắp xếp xử lý tài sản công; quyết định phê duyệt quy hoạch (nếu tài sản gắn liền với đất) (nếu có); bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính (nếu tài sản gắn liền với đất); văn bản xác định chất lượng, giá trị còn lại của tài sản, chứng thư giám định, chứng thư thẩm định giá; các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của tài sản...

Về số lượng hồ sơ cung cấp, các loại tài liệu trên, mỗi loại 01 bản là bản sao/bản chính.

Thứ sáu, đối với tài sản thuộc sở hữu của cá nhân, tổ chức tự nguyện lựa chọn bán thông qua đấu giá

Đối với tài sản thuộc sở hữu của cá nhân, tổ chức tự nguyện lựa chọn bán thông qua đấu giá, tài liệu mà người có tài sản đấu giá chuyển giao cho tổ chức hành nghề đấu giá tài sản là:

- Các giấy tờ liên quan đến tài sản như: Đối với tài sản là bất động sản như đất đai, nhà ở gắn liền với đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ)/Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở (sổ hồng)/Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Giấy phép xây dựng. Đối với tài sản là động sản có đăng ký quyền sở hữu tài sản như ô tô, xe máy...: Giấy đăng ký ô tô, mô tô và các giấy tờ khác có liên quan đối với từng loại tài sản đưa ra đấu giá;

- Các giấy tờ xác định giá trị, chất lượng, hiện trạng của tài sản; xác định giá khởi điểm, chứng thư thẩm định giá, biên bản họp hội đồng định giá (đối với tài sản của tổ chức), quyết định giá khởi điểm (đối với tài sản của tổ chức);

- Văn bản đề nghị đấu giá tài sản; giấy ủy quyền.

Về số lượng hồ sơ cung cấp, các loại tài liệu trên, mỗi loại 01 bản là bản sao/bản chính.

XÂY DỰNG “LÁ CHẮN MỀM” NƠI VÙNG BIÊN LAO BẢO

■ PHƯƠNG THIÊN

Giữa những tuyến đường biên nhận nhện nơi cửa ngõ hành lang kinh tế Đông - Tây, xã Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị đang từng ngày đối mặt với nhiều nguy cơ từ tội phạm và tệ nạn ma túy. Tuy nhiên, giữa vùng biên còn nhiều khó khăn ấy, những “lá chắn mềm” đang được hình thành từ chính ý thức của người dân, từ sự vào cuộc của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, già làng, người có uy tín và cả những người từng lầm lỡ. Những buổi tuyên truyền đến tận bản làng, mô hình tự quản trong khu dân cư và những câu chuyện hoàn lương đầy xúc động... đang góp phần giữ bình yên nơi vùng biên phía Tây của tỉnh Quảng Trị.



Công an xã Lao Bảo phối hợp với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã tuyên truyền về phòng, chống ma túy

Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền

Là địa bàn tiếp giáp với nước bạn Lào, có nhiều đường mòn, lối mở dọc tuyến sông Sê Pôn, xã Lao Bảo là địa bàn trọng điểm về ma túy của khu vực miền Tây Quảng Trị, đối tượng lợi dụng vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy với nhiều phương thức, thủ đoạn tinh vi. Trước tình hình đó, UBMTTQ Việt Nam xã Lao Bảo và các tổ chức chính trị - xã hội đã phối hợp với ngành Công an, Tư pháp đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, triển khai nhiều hoạt động tuyên truyền sâu rộng trong đoàn viên, hội viên, Nhân dân.

Các hình thức tuyên truyền cũng được đổi mới theo hướng gần dân, dễ tiếp cận như: cấp

phát tờ rơi, treo băng rôn, khẩu hiệu tại khu dân cư, các địa điểm công cộng; lồng ghép tuyên truyền trong các buổi sinh hoạt hội viên, đoàn viên, khu dân cư, các buổi họp thôn, bản, trong các buổi sinh hoạt các câu lạc bộ, sinh hoạt ngoại khóa của các trường học trên địa bàn; tổ chức các hội nghị, tọa đàm, sân khấu hóa, phát thanh lưu động; tuyên truyền trên mạng xã hội, các trang facebook, zalo của UBMTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội, trên hệ thống loa truyền thanh... Không chỉ tuyên truyền bằng lý thuyết, nhiều câu chuyện thật, người thật tại địa phương cũng được đưa vào các buổi sinh hoạt để tạo sức lan tỏa. Những gia đình từng có con em nghiện ma túy, những

người sau cai nghiện hoàn lương được mời chia sẻ để bà con thấy rõ hậu quả đau lòng mà ma túy gây ra. Chính sự chân thật ấy đã khiến nhiều người dân thay đổi nhận thức, chủ động quản lý con em, tích cực tố giác các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến ma túy.

Nâng cao ý thức phòng, chống ma túy từ gia đình, học đường

Xã biên giới Lao Bảo, nơi có đông đồng bào Vân Kiều, Pa Kô sinh sống, công tác tuyên truyền phòng, chống ma túy được triển khai bằng nhiều hình thức gần gũi, phù hợp với phong tục, tập quán, đời sống của bà con. Không chỉ tuyên truyền theo cách khô cứng, đơn thuần đọc văn bản pháp luật, các lực lượng đã lựa chọn cách “đi từng ngõ, gõ từng nhà”, nói bằng ngôn ngữ đời thường, dễ hiểu, kết hợp tiếng phổ thông với tiếng đồng bào để người dân dễ tiếp cận, dễ nhớ và dễ thực hiện. Ở các thôn, bản như: Hà Lệt, Ka Tăng, Khe Đá... đặc biệt, thôn Hà Lệt, địa bàn có 100% đồng bào Vân Kiều sinh sống được chọn làm mô hình điểm trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia phòng, chống ma túy. Các mô hình như “Khu dân cư không có ma túy”, “Dòng họ tự quản”, “Thanh niên nói không với ma túy”, câu lạc bộ “Tuổi trẻ với pháp luật”, “Giáo dục con em trong gia đình không phạm tội và tệ nạn xã hội”... từng bước phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao ý thức tự phòng, tự quản trong Nhân dân.

Không chỉ người lớn, thanh thiếu niên và học sinh trên địa bàn cũng là đối tượng được chú trọng tuyên truyền nhằm xây dựng “lá chắn mềm” phòng ngừa ngay từ sớm ở học đường. Nhiều hình thức được triển khai như sân khấu hóa bằng các tiểu phẩm, thi vẽ tranh, diễn đàn “Nói không với ma túy”, lồng ghép nội dung phòng, chống ma túy vào giờ chào cờ, hoạt động ngoại khóa, diễn đàn “Tuổi trẻ nói không với ma túy”, góp phần xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh. Bên cạnh đó, học sinh cũng được trang bị các kỹ năng phòng tránh, kỹ năng từ chối trước lời rủ rê, lôi kéo; cảnh báo thủ đoạn dụ dỗ của các đối tượng xấu thông qua mạng xã hội, trò chơi

điện tử, thuốc lá điện tử, uống các loại nước lạ không rõ nguồn gốc, hút, chích ma túy... giúp các em dễ tiếp cận kiến thức và nâng cao ý thức tự bảo vệ bản thân. Từ năm 2020 đến nay đã chuyển tải Luật Phòng, chống ma túy; các nội dung về phòng, chống ma túy đến hơn 5.000 lượt học sinh, đoàn viên, hội viên, Nhân dân. Bà Hồ Thị Thương, hội viên phụ nữ thôn Ka Tăng chia sẻ: “Qua các buổi tuyên truyền bà con hiểu hơn về tác hại của ma túy nên đã chủ động nhắc nhở con, em, quản lý người thân trong gia đình”. Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ xã Lao Bảo chia sẻ: “Hội LHPN xã đẩy mạnh tuyên truyền cho hội viên phụ nữ, thanh thiếu niên nâng cao kỹ năng quản lý, giáo dục con em; xây dựng gia đình không có ma túy”. Nói đến trách nhiệm của người đứng đầu, Ông Nguyễn Trường Sơn, Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam xã Lao Bảo cho biết: “ Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tập trung tuyên truyền bằng nhiều hình thức phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số, vận động người dân ký cam kết không vi phạm pháp luật, không sử dụng ma túy”.

Quyết tâm giữ bình yên vùng biên

Cuộc chiến chống ma túy ở vùng biên Lao Bảo vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Để góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống ma túy trong thời gian tới, UBMTTQ Việt Nam xã Lao Bảo và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền theo hướng sát thực tế đời sống đồng bào Vân Kiều, Pa Kô; tăng cường ứng dụng công nghệ số, mạng xã hội để lan tỏa thông điệp phòng, chống ma túy, tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền Luật Phòng, chống ma túy; tập trung tuyên truyền tại các địa bàn trọng điểm, trường học, khu dân cư vùng đồng bào dân tộc thiểu số...

Với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự đồng lòng của Nhân dân và những “lá chắn mềm” được dựng lên từ nhận thức cộng đồng, niềm tin, hy vọng đẩy mạnh công tác tuyên truyền sẽ ngăn chặn, đẩy lùi ma túy góp phần bình yên trên vùng biên giới Lao Bảo, nơi miền Tây Quảng Trị.

ĐẨY MẠNH TUYÊN TRUYỀN PHÒNG, CHỐNG MA TÚY NĂM 2026: NÂNG CAO NHẬN THỨC PHÁP LUẬT, CHỦ ĐỘNG PHÒNG NGỪA TỪ CƠ SỞ

■ NGUYỄN HỒNG

Thực hiện Công văn số 463-CV/BTGDVTU ngày 10/6/2026 của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Quảng Trị về tăng cường công tác tuyên truyền phòng, chống ma túy năm 2026, Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh đã đề nghị các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc triển khai đồng bộ các hoạt động tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức pháp luật, tăng cường trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong công tác phòng, chống ma túy.

Thực hiện Công văn số 463-CV/BTGDVTU ngày 10/6/2026 của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Quảng Trị về tăng cường công tác tuyên truyền phòng, chống ma túy năm 2026, Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh đã đề nghị các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc triển khai đồng bộ các hoạt động tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức pháp luật, tăng cường trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong công tác phòng, chống ma túy.

Phòng, chống ma túy là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính

trị nhằm góp phần bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và tạo nền tảng cho phát triển kinh tế – xã hội bền vững. Trong bối cảnh các loại tội phạm và tệ nạn ma túy tiếp tục diễn biến phức tạp với nhiều phương thức, thủ đoạn mới, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được xác định là giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả phòng ngừa từ sớm, từ xa.

Theo định hướng tuyên truyền năm 2026, các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc tập trung quán triệt, phổ biến sâu rộng chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về

phòng, chống ma túy; trọng tâm là Kết luận số 132-KL/TW, ngày 18/3/2025 của Bộ Chính trị, Luật Phòng, chống ma túy và Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030. Nội dung tuyên truyền cần làm rõ ý nghĩa, vai trò của công tác phòng, chống ma túy đối với nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh.

Cùng với việc phổ biến quy định pháp luật, các cơ quan, đơn vị cần tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức về tác hại của ma túy đối với cá nhân, gia đình và xã hội; chú trọng cảnh báo các loại ma túy mới, ma túy tổng hợp, ma túy núp bóng dưới hình thức thực phẩm, đồ uống, thuốc lá điện tử và các phương thức lôi kéo sử dụng trái phép chất ma túy đang xuất hiện ngày càng tinh vi. Một trong những yêu cầu đặt ra là đẩy mạnh phổ biến kiến thức, kỹ năng phòng ngừa và kỹ năng từ chối ma túy cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động; đồng thời phát huy vai trò của gia đình, cơ quan, đơn vị trong quản lý, giáo dục và phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy.

Ngoài ra, Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh cũng yêu cầu cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc tăng cường tuyên truyền về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên trong chấp hành quy định

của Đảng và pháp luật của Nhà nước; gắn công tác phòng, chống ma túy với xây dựng cơ quan, đơn vị văn hóa, an toàn, không có tệ nạn xã hội; chủ động phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm.

Để bảo đảm hiệu quả triển khai, các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc cần chủ động xây dựng kế hoạch tuyên truyền phù hợp với điều kiện thực tế; lồng ghép nội dung phòng, chống ma túy với thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị; tăng cường nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội, kịp thời định hướng thông tin và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động.

Việc triển khai hiệu quả công tác tuyên truyền phòng, chống ma túy năm 2026 không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, mà còn tạo chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động trong toàn xã hội, hướng tới mục tiêu xây dựng môi trường sống an toàn, văn minh và phát triển bền vững. Thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống ma túy, các cơ quan, đơn vị tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động; góp phần xây dựng môi trường làm việc an toàn, lành mạnh, không có tệ nạn ma túy.

Tỉnh Quảng Trị...

(Tiếp theo trang 12)

nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 66-NQ/TW, Chủ tịch HĐND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành quyết định phê duyệt danh sách người tham gia công tác xây dựng pháp luật được hưởng hỗ trợ hằng tháng theo quy định. UBND tỉnh đã bố trí kinh phí hỗ trợ hằng tháng bằng 100% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng cho người trực tiếp, thường xuyên làm công tác tham mưu nghiên cứu chính sách, xây dựng pháp luật. HĐND tỉnh đã thông qua Nghị

quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 20/5/2026 quy định tổng mức chi trong xây dựng quyết định QPPL của Chủ tịch UBND tỉnh và Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 20/5/2026 quy định danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của HĐND, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành thực hiện việc dự toán kinh phí cho công tác xây dựng văn bản QPPL 6 tháng cuối năm 2026 và những năm tiếp theo đảm bảo đủ nguồn lực cho công tác xây dựng văn bản QPPL của địa phương.

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

■ ĐẶNG VĂN TUẤN

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Trị

Phòng, chống tham nhũng (PCTN) là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của toàn Đảng, toàn dân và toàn hệ thống chính trị. Trong đó, xây dựng văn hóa liêm chính và trung thực ở thế hệ trẻ là yếu tố then chốt. Cấp học trung học phổ thông (THPT) đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách và nhận thức cho học sinh, do vậy giáo dục pháp luật về PCTN không chỉ là truyền đạt kiến thức mà còn tạo dựng môi trường học đường lành mạnh, nuôi dưỡng ý thức trách nhiệm và liêm chính cho công dân tương lai.

Ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Trị có hệ thống mạng lưới trường, lớp học được rà soát, sắp xếp hợp lý, đáp ứng nhu cầu học tập của người học, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương; trong đó có 64 trường có cấp học THPT (01 trường MN&TH&THCS&THPT; 02 trường TH&THCS&THPT; 11 trường THCS&THPT; 50 trường THPT) với 1.440 lớp và 57.727 học sinh. Quy mô lớn này vừa là cơ hội, vừa là thách thức trong việc triển khai đồng bộ và hiệu quả các nội dung giáo dục đặc thù như PCTN.

Trong những năm qua, Sở Giáo dục và Đào tạo đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trường học quán triệt và đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến luật và các chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN. Các trường THPT đã nghiêm túc thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 12/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014. Công tác giáo dục pháp luật PCTN được thực hiện qua

hai kênh chính, đó là giáo dục chính khóa (tích hợp nội dung PCTN trong các môn học có liên quan, đặc biệt là môn Giáo dục kinh tế và pháp luật) và hoạt động ngoại khóa (tổ chức thi tìm hiểu pháp luật, báo cáo chuyên đề, lồng ghép nội dung PCTN trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật...). Từ đó đã góp phần nâng cao nhận thức của học sinh về công tác PCTN.

Tuy nhiên, chất lượng triển khai vẫn còn những hạn chế nhất định, đó là: Nội dung giáo dục chưa thực sự hấp dẫn, chưa gắn kết chặt chẽ với thực tiễn đời sống và tâm lý lứa tuổi học sinh. Phương pháp truyền đạt của giáo viên còn nặng tính lý thuyết, thiếu hoạt động trải nghiệm, làm cho bài học trở nên khô cứng, thiếu tính lan tỏa; Tài liệu giảng dạy chưa có sự thống nhất cao, chưa phát huy tối đa vai trò của giáo viên chủ nhiệm, giáo viên dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật trong việc tích hợp nội dung PCTN; Sự lan tỏa của các giá trị liêm chính, trung thực, trách nhiệm chưa thực sự thấm sâu vào nhận thức và hành vi hàng ngày của học sinh.

Để khắc phục những hạn chế trên, nâng cao tính hiệu quả và sớm lan tỏa của công tác giáo dục pháp luật về PCTN trong các trường THPT trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, cần tập trung triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp sau:

Thứ nhất, cần đẩy mạnh việc quán triệt, phổ biến và tuyên truyền pháp luật về PCTN, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các cơ sở giáo dục. Hiệu trưởng các trường giữ vai trò trung tâm trong việc chỉ đạo, tổ chức và duy trì các hoạt động tuyên truyền, bảo đảm việc giáo

dục pháp luật được thực hiện thường xuyên, liên tục và phù hợp với đặc thù học sinh THPT. Việc phổ biến có thể thực hiện trực tiếp thông qua các buổi chào cờ đầu tuần, sinh hoạt dưới cờ, các chương trình của Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Thanh niên và những hoạt động tập thể khác trong nhà trường. Đây là những thời điểm thuận lợi để truyền tải các nội dung pháp luật một cách gần gũi, tự nhiên và hiệu quả.

Bên cạnh hình thức trực tiếp, các trường cần tăng cường tuyên truyền qua hệ thống thông tin nội bộ. Hệ thống loa phát thanh của trường cần được phát huy vào đầu giờ và giữa giờ học nhằm kịp thời giới thiệu những điểm mới của pháp luật. Đồng thời, trang thông tin điện tử và các nền tảng mạng xã hội của trường cần được sử dụng làm kênh truyền tải các chuyên mục, bài viết ngắn gọn, dễ hiểu nhằm tạo sự chủ động tiếp cận pháp luật cho học sinh. Nội dung tuyên truyền phải bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các văn bản pháp luật quan trọng và đang được áp dụng như Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Chỉ thị số 10/CT-TTg và Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tăng cường giáo dục phẩm chất cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư. Đây là những văn bản nền tảng, góp phần định hướng rõ ràng cho việc hình thành ý thức và thái độ của học sinh trước các hành vi tiêu cực, tham nhũng trong đời sống.

Thứ hai, cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên. Đây được xem là giải pháp mang tính nền tảng, giúp công tác giáo dục PCTN trở nên sinh động, thiết thực và gần gũi với đời sống học đường. Muốn “thổi hồn” vào bài học, việc bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên phải được xem là nhiệm vụ thường xuyên và lâu dài. Trước hết, các cơ sở giáo dục cần tổ chức các chương trình tập huấn chuyên sâu về Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và các văn bản liên quan cho giáo viên giảng dạy các môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, Ngữ văn, Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp và đặc biệt là giáo viên chủ nhiệm. Các buổi tập huấn không chỉ cung cấp kiến thức pháp luật

mà còn phải gắn với phương pháp sư phạm hiện đại, giúp giáo viên có khả năng truyền tải nội dung một cách hấp dẫn và gần gũi.

Song song với đó, các trường cần chủ động biên soạn tài liệu giảng dạy linh hoạt, dựa trên Tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Quyết định số 2546/QĐ-BGDĐT ngày 09/9/2025 về việc phê duyệt tài liệu hướng dẫn giáo viên tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống trong các môn giáo dục kinh tế và pháp luật, ngữ văn, hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp) và Công văn số 1171/SGDĐT-GDPT ngày 17/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai dạy học tích hợp, lồng ghép một số nội dung giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông từ năm học 2025-2026). Tài liệu phải ngắn gọn, giàu tính thực tiễn, gắn với những tình huống đặc thù của địa phương, đồng thời bảo đảm yếu tố bảo mật thông tin khi sử dụng các ví dụ điển hình.

Việc đổi mới phương pháp dạy học cũng là yêu cầu cấp thiết. Các trường cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, thông qua việc sử dụng video ngắn, infographic, podcast hay các câu chuyện thực tế để minh họa nội dung bài học. Bên cạnh đó, các phương pháp dạy học tích cực như thảo luận nhóm, phân tích tình huống, đóng vai các tình huống tiêu cực hoặc tham nhũng trong môi trường học đường nên được áp dụng thường xuyên, giúp học sinh hình thành kỹ năng nhận diện và ứng xử trước các hành vi sai trái.

Ngoài ra, các cơ sở giáo dục có thể xây dựng những chủ đề chuyên sâu, lồng ghép nội dung PCTN trong các môn học và hoạt động giáo dục. Môn Ngữ văn có thể khai thác những tác phẩm đề cao phẩm chất trung thực, liêm khiết; trong khi Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp có thể chú trọng rèn luyện kỹ năng từ chối tiêu cực và xây dựng văn hóa ứng xử liêm chính trong nhà trường.

Thứ ba, cần tổ chức các hoạt động ngoại khóa và trải nghiệm thực tiễn về PCTN. Giáo dục pháp luật chỉ thực sự hiệu quả khi được gắn liền với trải nghiệm và thực hành, giúp học sinh nhận thức sâu sắc về hậu quả của hành vi tiêu cực và phát triển kỹ năng sống đúng đắn. Trong đó, các trường có thể tổ chức thường niên Ngày hội “Học sinh nói không với tiêu cực”, tập trung vào các hành vi trong thi cử và sinh hoạt học đường. Đồng thời, phát động các cuộc thi viết, vẽ tranh, làm video hoặc phim

gắn với các chủ đề “Liêm chính học đường” nhằm khuyến khích học sinh sáng tạo, thể hiện quan điểm và ý thức công dân. Mô hình “Góc Liêm chính học đường” cũng nên được triển khai, vừa trưng bày các sản phẩm sáng tạo, vừa cung cấp tài liệu pháp luật, tạo môi trường học tập tương tác và trực quan.

Bên cạnh đó, việc phối hợp chuyên môn với các cơ quan chức năng đóng vai trò quan trọng. Các trường nên mời báo cáo viên từ Thanh tra tỉnh, Công an tỉnh, Sở Tư pháp đến nói chuyện chuyên đề, giúp học sinh tiếp cận thông tin đa chiều và hiểu rõ hậu quả pháp lý của hành vi tham nhũng, lãng phí. Hoạt động tham quan phiên tòa giả định về các vụ việc tham nhũng cũng là cơ hội để học sinh trải nghiệm thực tế quy trình pháp luật. Đặc biệt, việc lồng ghép rèn luyện hành vi vào các hoạt động thường nhật là cần thiết. Thiết lập Hòm thư góp ý ghi nhận những phản ánh tiêu cực trong trường học, bảo đảm tính bảo mật và khách quan, sẽ khuyến khích học sinh thực hành trách nhiệm công dân, phát triển ý thức tự giác và tinh thần liêm chính ngay từ môi trường học đường.

Thứ tư, cần xây dựng môi trường giáo dục minh bạch, dân chủ. Môi trường học đường không chỉ là nơi truyền thụ kiến thức mà còn là tấm gương phản ánh các giá trị cần được giáo dục, trong đó liêm chính và trung thực là nền tảng. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm là minh bạch hóa hoạt động tài chính. Các trường cần công khai đầy đủ, kịp thời các khoản thu - chi và nguồn tài trợ liên quan đến hoạt động của nhà trường và lớp học, bảo đảm thực hiện đúng quy định pháp luật, tạo niềm tin và trách nhiệm trong cộng đồng học sinh, phụ huynh và giáo viên. Song song với đó, việc thực hiện nghiêm quy tắc ứng xử trong trường học là yêu cầu bắt buộc. Quy tắc này không chỉ định hướng hành vi ứng xử mà còn là cơ sở để giám sát, đánh giá các hành vi tiêu cực, góp phần hình thành văn hóa liêm chính trong học đường. Đồng thời, cần phát huy vai trò giám sát của học sinh và các tổ chức đoàn thể. Khuyến khích học sinh tham gia giám sát các hoạt động của nhà trường trong khuôn khổ cho phép, đồng thời tăng cường vai trò của Ban Thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể trong việc giám sát nội bộ, bảo đảm mọi hoạt động giáo dục diễn ra minh bạch, công bằng và dân chủ.

Thứ năm, cần tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường - gia đình - xã hội. Giáo dục liêm chính không chỉ là nhiệm vụ của nhà trường mà còn là trách nhiệm chung của toàn xã hội, đòi hỏi sự đồng hành, giám sát và gương mẫu từ gia đình và các tổ chức xã hội. Trước hết, việc truyền thông đến phụ huynh đóng vai trò then chốt. Các trường cần tổ chức các buổi truyền thông, hội nghị phụ huynh học sinh nhằm phổ biến các quy định pháp luật về PCTN, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí, đồng thời vận động phụ huynh không “chạy trường”, “chạy điểm” và không can thiệp tiêu cực vào hoạt động giáo dục, qua đó làm gương về sự trung thực cho con em mình. Bên cạnh đó, phối hợp với các tổ chức xã hội như Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Thanh niên để tổ chức các phong trào, chiến dịch xây dựng lối sống trung thực, có trách nhiệm, giúp học sinh nhận thức rõ vai trò của bản thân trong việc thực hành liêm chính. Đồng thời, các trường cần cập nhật thông tin thực tiễn thông qua hợp tác với chính quyền địa phương và cơ quan pháp luật, cung cấp các tình huống thực tế để làm phong phú nội dung bài giảng, giúp học sinh hiểu rõ mối quan hệ giữa kiến thức pháp luật và đời sống thực tế, đồng thời rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống một cách trung thực và có trách nhiệm.

Nâng cao chất lượng công tác giáo dục pháp luật về PCTN trong các trường THPT trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là một quá trình lâu dài, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ, quyết liệt của toàn ngành Giáo dục và sự phối hợp chặt chẽ của gia đình và xã hội.

Với việc triển khai hiệu quả các nhóm giải pháp: tăng cường tuyên truyền, đổi mới nội dung và phương pháp dạy học gắn với trải nghiệm thực tiễn, nâng cao năng lực giáo viên, xây dựng môi trường giáo dục minh bạch, và đẩy mạnh phối hợp liên ngành, chúng ta sẽ kỳ vọng tạo ra sự chuyển biến căn bản trong nhận thức và hành vi của học sinh. Mục tiêu cuối cùng là hình thành một thế hệ học sinh có ý thức pháp luật, sống liêm chính, trung thực, trách nhiệm; từ đó góp phần xây dựng môi trường học đường trong sạch, lành mạnh, tạo dựng văn hóa liêm chính trong trường học, và đóng góp tích cực vào công cuộc PCTN chung của tỉnh Quảng Trị và cả nước. Đây chính là nền móng vững chắc để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có đạo đức cho quê hương.

GỖ VƯƠNG ĐĂNG KÝ KHAI SINH CHO TRẺ EM VÙNG BIÊN QUẢNG TRỊ

■ MINH PHƯƠNG



Công chức Tư pháp và các lực lượng phối hợp trực tiếp hỗ trợ người dân vùng biên Quảng Trị tháo gỡ vướng mắc, hoàn thiện thủ tục đăng ký khai sinh cho trẻ em

Tại một số xã vùng biên tỉnh Quảng Trị, nhiều trẻ em là con của công dân Việt Nam với người không quốc tịch vẫn chưa được đăng ký khai sinh do cha mẹ chưa đăng ký kết hôn hoặc chưa đăng ký nhận cha con; người mẹ thiếu giấy tờ tùy thân hoặc người cha đi làm ăn xa nên chưa thể làm các thủ tục để đăng ký khai sinh cho con. Trước thực trạng này, ngành Tư pháp tỉnh Quảng Trị đã chủ động rà soát, phối hợp với các địa phương để tháo gỡ những vướng mắc ngay từ cơ sở.

Những vướng mắc từ thực tiễn

Theo quy định của pháp luật, đăng ký khai sinh là quyền nhân thân cơ bản của mỗi cá nhân ngay từ khi được sinh ra, đồng thời là cơ sở pháp lý để xác lập các quyền và nghĩa vụ của công dân. Tuy nhiên, qua rà soát tại các xã vùng biên như Lao Bảo, Tà Rụt, Hướng Lập, A Dơi, Khe Sanh..., vẫn còn một số trường hợp trẻ em chưa được đăng ký khai sinh do người mẹ thiếu giấy tờ tùy thân, cha mẹ chưa đăng ký kết hôn hoặc chưa làm thủ tục nhận cha con theo quy định.

Từ thực tế đó, viên chức Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước số 2 tỉnh Quảng Trị (nay là Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Trị) đã phối hợp với chính quyền xã Tà Rụt trực tiếp hướng dẫn người dân hoàn thiện thủ tục đăng ký khai sinh cho các trường hợp khó, vướng mắc. Theo thống kê của các địa phương, toàn tỉnh Quảng Trị có 38 trẻ em chưa được đăng ký khai sinh, trong đó khu vực phía Nam có 29 trường hợp, phía Bắc 9 trường hợp. Những trường hợp này, trẻ được sinh ra tại Việt Nam, có cha là công dân Việt Nam, trong khi mẹ là người không có quốc tịch, không có giấy tờ tùy thân, cha mẹ không đăng ký kết hôn nên sinh ra trẻ chưa được đăng ký khai sinh.

Thực trạng này kéo theo nhiều hệ lụy. Khi chưa được đăng ký khai sinh, trẻ gặp nhiều khó khăn trong việc hoàn thiện giấy tờ nhân thân, ảnh hưởng đến quá trình học tập, khám chữa bệnh và tiếp cận các chính sách an sinh theo quy định của pháp luật.

Những khó khăn từ thực tế

Theo báo cáo của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Trị, trong quá trình rà soát và hướng dẫn đăng ký khai sinh, một số trường hợp gặp khó khăn do thiếu giấy tờ tùy thân hoặc chưa có tài khoản VNeID định danh mức độ 2. Một số trường hợp khác, người cha làm mất căn cước công dân hoặc căn cước đã hết hạn nên chưa thể hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Bên cạnh đó, một số trường hợp người cha đi làm ăn xa nên việc hoàn thiện hồ sơ gặp khó khăn, phải chờ người cha trở về mới có thể thực hiện thủ tục nhận cha - con và đăng ký khai sinh cho trẻ.

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga, Phó Chủ tịch UBND xã Lao Bảo cho biết, trên địa bàn vẫn còn một số trường hợp trẻ em chưa được đăng ký khai sinh do cha mẹ chung sống với nhau nhưng chưa đăng ký kết hôn, có yếu tố di cư tự do hoặc mẹ là người nước ngoài.

“Trước đây, việc đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền của UBND cấp

huyện theo quy định tại Nghị định số 123/2015/NĐ-CP. Đối với cấp xã, chỉ thực hiện đăng ký khai sinh tại khu vực biên giới trong một số trường hợp cụ thể theo quy định của pháp luật về hộ tịch (Điều 17 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP), nên quá trình giải quyết tại cơ sở còn gặp nhiều khó khăn”, bà Nga cho biết.

Những vướng mắc này khiến không ít gia đình lúng túng khi thực hiện thủ tục. Ông Hồ Văn Minh (xã Lao Bảo) cho biết trước đây gia đình gặp nhiều khó khăn khi làm giấy khai sinh cho cháu do thiếu giấy tờ cần thiết.

“Con dâu tôi không có giấy tờ nên khi làm thủ tục khai sinh khá phức tạp. Nếu không có cán bộ hướng dẫn cụ thể thì người dân như chúng tôi rất khó tự hoàn thiện hồ sơ”, ông Minh chia sẻ.

Bài toán cần lời giải từ thực tiễn

Theo Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị, việc đăng ký khai sinh cho trẻ em có cha là công dân Việt Nam, mẹ là người không quốc tịch, cha mẹ chưa đăng ký kết hôn là nhiệm vụ cần được ưu tiên giải quyết nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em theo quy định pháp luật.

Trước thực tiễn đó, Sở Tư pháp đã ban hành các văn bản chỉ đạo, đề nghị các địa phương rà soát, thống kê các trường hợp chưa đăng ký khai sinh và xây dựng kế hoạch hỗ trợ cụ thể. Không dừng lại ở việc ban hành văn bản hướng dẫn, ngành Tư pháp tỉnh Quảng Trị còn chủ động triển khai các biện pháp hỗ trợ trực tiếp tại cơ sở nhằm tháo gỡ khó khăn cho người dân.

Cách làm này được đánh giá là cần thiết, bởi trong nhiều trường hợp, nếu chỉ hướng dẫn bằng văn bản thì người dân ở vùng sâu, vùng xa khó có thể tự hoàn thiện thủ tục.

Từ thực tế đó, một cách làm mới đã được triển khai: viên chức trợ giúp pháp lý trực tiếp xuống cơ sở, hướng dẫn người dân hoàn thiện hồ sơ đăng ký khai sinh. Cách làm này đã được người dân ghi nhận và đánh giá hiệu quả trong thời gian qua tại tỉnh Quảng Trị.

Câu 1: Bà Đỗ Thị Dung (Quảng Ninh, Quảng Trị) hỏi: Số tiền bảo hiểm được trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm của một người tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi được quy định như thế nào theo pháp luật hiện hành?

Trả lời:

Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-NHNN ngày 31/3/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số nội dung về hoạt động bảo hiểm tiền gửi (*Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 01/5/2026*) quy định số tiền bảo hiểm được trả như sau:

1. Số tiền bảo hiểm được trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm của một người tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bao gồm tiền gốc và tiền lãi tính đến thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm, tối đa bằng hạn mức chi trả tiền bảo hiểm quy định tại Điều 22 của Luật Bảo hiểm tiền gửi. Số tiền bảo hiểm được trả trong trường hợp nhiều người sở hữu chung tiền gửi được bảo hiểm tiền gửi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Bảo hiểm tiền gửi.

2. Trường hợp người được bảo hiểm tiền gửi có khoản nợ tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thì số tiền gửi được bảo hiểm là số tiền còn lại sau khi trừ khoản nợ (bao gồm nợ gốc và lãi còn phải thu) đó.

Câu 2: Ông Đào Chí Sơn (Nam Trạch, Quảng Trị) hỏi: Hiện nay, pháp luật quy định như thế nào về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học đối với giảng viên của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan của Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương?

Trả lời:

Theo Điều 18 Thông tư số 03/2026/TT-BNV ngày 26/3/2026 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức (*Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 15/5/2026*), nhiệm vụ nghiên cứu khoa học đối với giảng

viên của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan của Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương như sau:

1. Chủ trì hoặc tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các chương trình, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học được phân công. Kết quả sản phẩm phải được Hội đồng khoa học đánh giá đạt yêu cầu trở lên.

2. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng; chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình, tài liệu bồi dưỡng đối với chuyên đề do giảng viên phụ trách; chủ động đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên.

3. Viết bài báo đăng trên các tạp chí khoa học; các chuyên đề, báo cáo, tham luận tại các hội nghị, hội thảo được phân công tham dự; tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học khi được phân công.

4. Thực hiện quá trình đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học của học viên; tham gia đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng.

5. Mỗi năm, giảng viên phải hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được giao tương ứng với chức danh hoặc vị trí việc làm đang đảm nhiệm. Kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên được đánh giá thông qua các sản phẩm khoa học và công nghệ, các hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

6. Thủ trưởng cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cho giảng viên và quy định cụ thể về số giờ nghiên cứu khoa học được quy đổi từ các loại hình sản phẩm khoa học và công nghệ, hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

Câu 3: Bà Hà Lê Nguyên Ý (Bến Quan, Quảng Trị) hỏi: Tỷ lệ chuyển giao quốc tế

đối với lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon; việc bán kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon từ chương trình, dự án đầu tư công và dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư được quy định như thế nào hiện nay?

Trả lời:

Thứ nhất, căn cứ Điều 6 Nghị định số 112/2026/NĐ-CP ngày 01/4/2026 của Chính phủ về trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon (Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2026; sau đây viết tắt là Nghị định 112/2026/NĐ-CP) thì tỷ lệ chuyển giao quốc tế đối với lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon được quy định như sau:

1. Trường hợp chuyển giao quốc tế có điều chỉnh tương ứng, tỷ lệ chuyển giao tối đa đối với lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon được cấp cho giai đoạn tạo kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon được quy định như sau:

a) 90% đối với các chương trình, dự án theo các biện pháp, hoạt động giảm phát thải khí nhà kính thuộc danh mục số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) 50% đối với các chương trình, dự án theo các biện pháp, hoạt động giảm phát thải khí nhà kính thuộc danh mục số 02 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Trường hợp chuyển giao quốc tế không điều chỉnh tương ứng, tỷ lệ chuyển giao tối đa là 90% lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon được cấp cho một giai đoạn tạo kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon đối với tất cả chương trình, dự án.

3. Lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon còn lại sau khi chuyển giao quốc tế được phép sử dụng để trao đổi trong nước.

4. Căn cứ tình hình thực tiễn, bộ quản lý lĩnh vực đề xuất việc điều chỉnh, bổ sung danh mục biện pháp, hoạt động giảm phát

thải khí nhà kính chuyển giao quốc tế tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Thứ hai, căn cứ Điều 7 Nghị định 112/2026/NĐ-CP thì việc bán kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon từ chương trình, dự án đầu tư công và dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư được quy định như sau:

1. Cơ quan chủ quản chương trình, dự án đầu tư công quyết định việc bán kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon từ các chương trình, dự án đó.

2. Việc bán kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon từ các chương trình, dự án đầu tư công phải lấy ý kiến của bộ quản lý lĩnh vực, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công an và các cơ quan, tổ chức có liên quan. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến.

3. Nguồn thu từ việc trao đổi kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon hình thành từ dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (dự án PPP) được ghi nhận là doanh thu của dự án PPP và được quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Đối với các dự án PPP đã được ký kết hợp đồng dự án và/hoặc có phương án tài chính mà có nhu cầu trao đổi kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon thì cơ quan ký kết hợp đồng và nhà đầu tư tiến hành điều chỉnh hợp đồng dự án PPP và/hoặc phương án tài chính.

4. Khoản tiền thu được từ việc bán kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon từ các chương trình, dự án đầu tư công là khoản thu ngân sách nhà nước và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh

I. DÒNG CHẢY CHÍNH SÁCH

Một số chính sách có hiệu lực từ tháng 6 năm 2026

1. Bổ sung đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng từ ngày 20/6/2026

Ngày 05/5/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 144/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 359/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

Theo đó, Nghị định số 144/2026/NĐ-CP bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 4 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP quy định về đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng: “3a. Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm người học, các dịch vụ bảo hiểm khác liên quan đến con người; bảo hiểm vật nuôi, bảo hiểm cây trồng, các dịch vụ bảo hiểm nông nghiệp khác; bảo hiểm tàu, thuyền, trang thiết bị và các dụng cụ cần thiết khác phục vụ trực tiếp đánh bắt thủy sản; tái bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm; bảo hiểm các công trình, thiết bị dầu khí, tàu chứa dầu mang quốc tịch nước ngoài do nhà thầu dầu khí hoặc nhà thầu phụ nước ngoài thuê để hoạt động tại vùng biển Việt Nam, vùng biển chồng lấn mà Việt Nam và các quốc gia có bờ biển tiếp liền hay đối diện đã thỏa thuận đặt dưới chế độ khai thác chung.”. Nghị định trên có hiệu lực từ 20/6/2026.

2. Mức phạt hành vi lấn, chiếm và sử dụng môi trường rừng trái quy định từ ngày 25/6/2026

Ngày 06/5/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 146/2026/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Trong đó, đáng chú ý là các quy định xử phạt liên quan đến việc lấn, chiếm và sử dụng môi trường rừng trái quy định.

Cụ thể, Nghị định quy định phạt tới 80 triệu đồng đối với các hành vi lấn, chiếm rừng; phạt từ 4 - 6 triệu đồng đối với hành vi tổ chức tham quan, du lịch trong rừng khi

chưa được phép... Nghị định trên có hiệu lực từ ngày 25/6/2026.

3. Ngân hàng Nhà nước siết quy định nội bộ về môi giới tiền tệ

Ngày 6/5/2026, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư số 07/2026/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung quy định về hoạt động môi giới tiền tệ của ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Thông tư này chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 20/6/2026.

Thông tư bắt buộc các tổ chức tín dụng phải ban hành quy định nội bộ chặt chẽ nhằm đảm bảo an toàn cho các giao dịch vốn và tài chính trên thị trường. Quy định nội bộ này tối thiểu phải bao gồm: quy trình, thủ tục thực hiện môi giới; phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của các nhân sự liên quan; và đặc biệt là cơ chế quản lý rủi ro đối với hoạt động môi giới tiền tệ.

4. Tất cả trạm xăng bán xăng E10 từ ngày 01/6/2026

Ngày 07/11/2025, Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành Thông tư 50/2025/TT-BCT quy định lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống tại Việt Nam.

Cụ thể, theo khoản 1 Điều 4 Thông tư 50/2025/TT-BCT, xăng không chì theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành bắt buộc phải được phối trộn, pha chế thành xăng E10 để cung cấp, sử dụng cho động cơ xăng trên phạm vi toàn quốc từ 01/6/2026. Đồng thời, theo khoản 2 Điều 4 loại xăng E5RON92 vẫn sẽ tiếp tục được phép phối trộn, pha chế để sử dụng. Lộ trình lưu hành của xăng E5RON92 sẽ kéo dài đến hết ngày 31/12/2030.

5. Chặn chiều đi nếu đổi máy không xác thực sinh trắc học

Ngày 31/3/2026, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư 08/2026/TT-BKHCN về hướng dẫn việc xác thực thông tin thuê bao di động mặt đất. Theo đó, kể từ ngày 15/6/2026, khi phát hiện thuê bao có hoạt động thay đổi thiết bị đầu cuối so với thiết bị đã sử dụng trước đó, doanh nghiệp viễn thông phải triển khai biện pháp rà soát và có thể tạm dừng cung cấp dịch vụ viễn thông chiều đi trong thời gian tối đa 2 giờ

nếu thuê bao chưa thực hiện xác thực lại sinh trắc học ảnh khuôn mặt.

Việc xác thực được thực hiện bằng cách đối chiếu ảnh chụp trực tiếp khuôn mặt của thuê bao với dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh hoặc dữ liệu sinh trắc học đã được lưu giữ hợp pháp tại doanh nghiệp viễn thông.

6. Nhận kết quả đăng ký xe trên VNeID, VneTraffic

Ngày 24/4/2026, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư số 37/2026/TT-BCA về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký, kiểm định phương tiện giao thông, có hiệu lực thi hành từ ngày 08/6/2026.

Theo Thông tư, chủ phương tiện có thể lựa chọn nhận kết quả đăng ký xe thông qua một trong các hình thức sau đây: Cổng dịch vụ công; dịch vụ bưu chính; nhận trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe. Đồng thời, dữ liệu điện tử của chứng nhận đăng ký xe được tích hợp trên Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) và Ứng dụng giao thông trên thiết bị số dành cho công dân (VNeTraffic) do Bộ Công an quản lý, vận hành.

7. Áp dụng quy định mới về đánh giá rèn luyện sinh viên

Ngày 15/5/2026, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư 40/2026/TT-BGDĐT quy định về công tác sinh viên, có hiệu lực từ ngày 30/6/2026. Theo đó, kết quả rèn luyện của sinh viên được đánh giá theo thang điểm 100 và phân loại thành 5 mức gồm: xuất sắc, tốt, khá, trung bình và yếu. Kết quả này sẽ là căn cứ quan trọng để xét học bổng, khen thưởng cũng như các quyền lợi khác của người học.

Phòng PBGDPL&TĐTHPL

II. TIÊU ĐIỂM CHÍNH SÁCH

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ KHAI SINH

1. Về trách nhiệm đăng ký khai sinh:

Tại khoản 1 Điều 15 Luật Hộ tịch năm 2014 quy định: Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày sinh con, cha hoặc mẹ có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho con; trường hợp cha, mẹ

không thể đăng ký khai sinh cho con thì ông hoặc bà hoặc người thân thích khác hoặc cá nhân, tổ chức đang nuôi dưỡng trẻ em có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em.

2. Về thẩm quyền đăng ký khai sinh:

- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh, bao gồm đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài.

- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi thực hiện đăng ký khai sinh đối với trường hợp đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi.

- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ đang cư trú thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ chưa xác định được cha và mẹ.

3. Về thủ tục đăng ký khai sinh:

a) Hình thức nộp hồ sơ: Công dân có thể lựa chọn nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia VneID; nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Thành phần hồ sơ: Hồ sơ đăng ký khai sinh gồm những giấy tờ sau:

* Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu (nếu người yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính);

* Mẫu hộ tịch điện tử tương tác đăng ký khai sinh (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến);

* Người yêu cầu đăng ký khai sinh thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:

- Giấy tờ phải nộp, gồm:

+ Giấy chứng sinh; trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh.

+ Trường hợp người yêu cầu đã nộp bản điện tử Giấy chứng sinh hoặc cơ quan đăng ký hộ tịch đã khai thác được dữ liệu điện tử có ký số của Giấy chứng sinh thì không phải nộp bản giấy.

+ Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi thì phải có biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi do cơ quan có thẩm quyền lập.

+ Trường hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ phải có văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ.

+ Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh. Trường hợp người đi đăng ký khai sinh cho trẻ em là ông, bà, người thân thích khác thì không phải có văn bản ủy quyền của cha, mẹ trẻ em, nhưng phải thống nhất với cha, mẹ trẻ em về các nội dung khai sinh.

- Giấy tờ phải xuất trình, gồm:

+ Hộ chiếu hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước hoặc Căn cước điện tử hoặc Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng (sau đây gọi tắt là giấy tờ tùy thân) để chứng minh về nhân thân khi làm thủ tục trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Trường hợp giấy tờ tùy thân sử dụng là: Hộ chiếu, Thẻ căn cước, Căn cước công dân, Giấy chứng nhận căn cước mà cơ quan đăng ký hộ tịch có thể đối chiếu, khai thác dữ liệu trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thông qua kết nối với CSDLHTĐT, CSDLQGVC hoặc CSDL khác có liên quan thì người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chỉ cần cung cấp thông tin số định danh cá nhân hoặc thông tin về giấy tờ (số, ngày/tháng/năm cấp) mà không cần xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân.

Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điện tử động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);

+ Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC bằng các phương thức này thì người yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

+ Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.

4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

5. Về thời hạn giải quyết: Trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.

6. Phí, lệ phí:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính: 5.000 đồng đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn.

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: 0 đồng.

- Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh: 8.000 đồng/bản sao.

**Phòng Hành chính tư pháp
và Hỗ trợ tư pháp**

III. ĐƯA PHÁP LUẬT VÀO CUỘC SỐNG

CẢI CÁCH THUẾ XĂNG DẦU THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19/2026/QH16: ĐÒN BẨY TIẾP SỨC CHO NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP

Ngày 12/4/2026, Quốc hội khóa XVI đã chính thức thông qua Nghị quyết số 19/2026/QH16 về việc ban hành một số quy định về thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng, dầu và nhiên liệu bay. Nghị quyết số 19/2026/QH16 được ban hành nhằm ứng phó trực diện với cuộc khủng hoảng năng lượng toàn cầu xuất phát từ xung đột leo thang tại Trung Đông. Cụ thể, Nghị quyết quy định mức thuế BVMT, thuế GTGT, thuế TTĐB đối với xăng, dầu và nhiên liệu bay như sau:

- Mức thuế BVMT đối với xăng (trừ etanol), dầu diesel, dầu hỏa, dầu mazut và nhiên liệu bay là 0 đồng/lít.

- Xăng, dầu diesel, dầu hỏa, dầu mazut và nhiên liệu bay thuộc đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT nhưng được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

- Thuế suất thuế TTĐB đối với xăng các loại là 0%.

Với thời gian áp dụng trước mắt từ ngày 16/4/2026 đến hết ngày 30/6/2026, chính sách này đang tạo ra những tác động kép vô cùng mạnh mẽ, trực tiếp tháo gỡ khó khăn cho đời sống của người dân và kích lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp.

Đối với người dân, xăng dầu là mặt hàng chiến lược thiết yếu, gắn liền với mọi hoạt động dịch chuyển và chi phí sinh hoạt hàng ngày. Trong bối cảnh nguồn cung xăng dầu trong nước chịu áp lực đứt gãy lớn do biến động chính trị thế giới làm giá dầu thô vượt ngưỡng 100 USD/thùng, việc ban hành Nghị quyết số 19/2026/QH16 mang một ý nghĩa an sinh xã hội sâu sắc. Người dân là đối tượng được hưởng lợi trực tiếp và rõ ràng nhất khi các sắc thuế cấu thành trong giá cơ sở được đưa về bằng không. Thực tế triển khai đã chứng minh, giải pháp cắt giảm thuế đồng loạt này đã giúp hạ nhiệt giá xăng dầu: xăng E5 RON92 giảm 4.749 đồng/lít và xăng RON95-III giảm tới 5.625 đồng/lít⁽¹⁾. Sự sụt giảm mạnh mẽ này giúp các hộ gia đình tiết kiệm ngay lập tức chi phí đi lại và tiêu dùng năng lượng trực tiếp. Không dừng lại ở đó, việc giá xăng dầu hạ nhiệt còn tạo ra hiệu ứng dây chuyền tích cực, làm giảm chi phí logistics và vận chuyển, từ đó kìm hãm đà tăng giá của các loại hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng thiết yếu khác trên thị trường. Nhờ vậy, áp lực chi tiêu của người dân, đặc biệt là nhóm đối tượng có thu nhập thấp và trung bình được giải tỏa đáng kể. Về mặt xã hội, sự vào cuộc của các cơ quan lập pháp còn giúp ổn định vững chắc tâm lý người dân, dập tắt các nỗi lo về lạm phát và tạo sự đồng thuận, yên tâm lao động sản xuất.

Ở góc độ kinh tế, đối với cộng đồng doanh nghiệp, xăng dầu chính là mạch máu, là yếu tố đầu vào cốt lõi của hầu hết các ngành sản xuất, vận tải và dịch vụ. Việc Nhà nước chấp nhận giảm thu ngân sách bình quân khoảng 7.300 tỷ đồng/tháng⁽²⁾ để thực hiện chính sách này thực chất chính là một gói hỗ trợ tài chính trực tiếp vào nền kinh tế. Tác động lớn nhất là việc kéo giảm sâu chi phí

đầu vào cho các ngành phụ thuộc nhiều vào năng lượng như vận tải, logistics, sản xuất công nghiệp và nông - lâm - ngư nghiệp. Chi phí vận hành giảm giúp doanh nghiệp tối ưu hóa giá thành, tăng năng lực cạnh tranh cho sản phẩm ở cả thị trường nội địa lẫn xuất khẩu. Đặc biệt, quy định mang tính đột phá khi đưa xăng dầu vào diện không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT nhưng vẫn giữ quyền khấu trừ thuế GTGT đầu vào đã mang lại lợi ích kép. Quy định này giúp các doanh nghiệp đầu mối, doanh nghiệp phân phối và các đơn vị tiêu thụ xăng dầu lớn giải phóng dòng vốn lưu động tức thì, không bị chiếm dụng vốn ở khâu trung gian hay phải mòn mỏi chờ đợi dòng tiền hoàn thuế rườm rà. Việc khơi thông dòng tiền và giảm chi phí đầu vào này chính là bệ đỡ vững chắc, tăng khả năng phục hồi và tạo động lực cho các doanh nghiệp mở rộng quy mô, kiên định bám đuổi mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số như Nghị quyết Đại hội Đảng XIV đã đề ra.

Nhìn một cách tổng thể, Nghị quyết số 19/2026/QH16 là một điểm sáng minh chứng cho tư duy quản lý hiện đại, linh hoạt và lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm. Dù ngân sách quốc gia phải đối mặt với áp lực giảm thu trong ngắn hạn, song đây là giải pháp đặc biệt hoàn toàn cần thiết để đổi lấy sự ổn định vĩ mô và nuôi dưỡng nguồn thu bền vững cho tương lai. Với sự phối hợp chặt chẽ, giám sát hiệu quả của Bộ Tài chính cùng các cơ quan thuế, hải quan trong khâu thực thi, các quy định ưu đãi của chính sách sẽ tiếp tục lan tỏa trọn vẹn, trở thành nguồn lực thúc đẩy nền kinh tế vượt qua giông bão, hướng tới sự phát triển ổn định dài lâu.

Phòng PBGDPL&TDTHPL

(1) Theo Tài liệu giới thiệu Nghị quyết số 19/2026/QH16 về việc ban hành một số quy định về thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng, dầu và nhiên liệu bay của Bộ Tư pháp.

(2) Theo Tài liệu giới thiệu Nghị quyết số 19/2026/QH16 về việc ban hành một số quy định về thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng, dầu và nhiên liệu bay của Bộ Tư pháp.

1. Ngày 06/4/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 127/2026/NĐ-CP quy định về quản lý chất lượng và chính sách phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal

Nghị định số 127/2026/NĐ-CP quy định về quản lý chất lượng và các chính sách hỗ trợ, phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal bao gồm: quy định về yêu cầu chất lượng, ghi nhãn, truy xuất nguồn gốc, hoạt động thử nghiệm, chứng nhận Halal, kiểm tra, xử lý vi phạm quản lý chất lượng và chính sách hỗ trợ đối với sản phẩm, dịch vụ Halal. Trong đó, tại Điều 3 Nghị định số 127/2026/NĐ-CP giải thích một số từ ngữ như sau: (1) Yêu cầu Halal là tập hợp các quy tắc, điều kiện về thành phần, nguyên liệu, quá trình sản xuất, chế biến, bao gói, ghi nhãn, bảo quản và vận chuyển được quy định cụ thể trong các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực hoặc tiêu chuẩn quốc gia của các nước Hồi giáo về sản phẩm, dịch vụ Halal. (2) Halal là thuật ngữ có nguồn gốc từ tiếng Ả Rập có nghĩa là hợp pháp, được phép dựa trên việc đáp ứng đầy đủ các yêu cầu Halal được quy định trong tiêu chuẩn công bố áp dụng. (3) Sản phẩm Halal là sản phẩm đã được đánh giá và xác nhận đáp ứng đầy đủ các yêu cầu Halal theo tiêu chuẩn công bố áp dụng. (4) Dịch vụ Halal là bất kỳ hoạt động nào liên quan đến các sản phẩm Halal như kinh doanh, vận chuyển, bảo quản, đóng gói, đóng kiện, trưng bày, xử lý và các hoạt động khác có liên quan... Đối với tiêu chuẩn sản phẩm, dịch vụ Halal, tại Điều 5 Nghị định số 127/2026/NĐ-CP quy định:

- Tiêu chuẩn quốc gia về sản phẩm, dịch vụ Halal được xây dựng, công bố và áp dụng theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Quá trình xây dựng, sửa đổi tiêu chuẩn quốc gia về sản phẩm, dịch vụ Halal phải bảo đảm có sự tham gia của đại diện Bộ Dân tộc và Tôn giáo và chuyên gia là người Hồi giáo có chuyên môn về các yêu cầu Halal trong quá trình tham vấn, thẩm định các nội dung liên quan.

- Việc áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài về sản phẩm, dịch vụ Halal thực hiện như sau:

- + Trường hợp sản xuất sản phẩm, dịch vụ Halal để xuất khẩu: Cơ sở sản xuất áp dụng tiêu chuẩn sản phẩm, dịch vụ Halal theo yêu cầu, thỏa thuận hoặc hợp đồng với tổ chức, cá nhân nhập khẩu;

- + Trường hợp sản xuất hoặc nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ Halal để tiêu thụ trong nước: Cơ sở sản xuất hoặc nhập khẩu áp dụng tiêu

chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn của các tổ chức quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc có thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực hoặc tiêu chuẩn quốc gia của các nước Hồi giáo về sản phẩm, dịch vụ Halal.

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh được khuyến khích xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở đối với sản phẩm, dịch vụ Halal của mình đối với các sản phẩm, dịch vụ chưa có tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực hoặc tiêu chuẩn quốc gia của các nước Hồi giáo tương ứng. Tiêu chuẩn cơ sở phải đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc và yêu cầu chung của các tiêu chuẩn Halal quốc tế, khu vực được thừa nhận rộng rãi.

- Các tiêu chuẩn áp dụng cho sản phẩm, dịch vụ Halal theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều 5 không được trái với các quy định pháp luật của Việt Nam.

Nghị định số 127/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2026.

2. Ngày 05/5/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 144/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 359/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ

Theo đó, tại Điều 4 Nghị định số 144/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 2 Điều 26 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP quy định về thanh toán không dùng tiền mặt đối với khoản trả chậm, trả góp như sau: Đối với hàng hóa, dịch vụ mua trả chậm, trả góp có giá trị hàng hóa, dịch vụ mua từ 05 triệu đồng trở lên, cơ sở kinh doanh căn cứ vào hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ bằng văn bản, hóa đơn giá trị gia tăng và chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của hàng hóa, dịch vụ mua trả chậm, trả góp để khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Trường hợp chưa có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt do chưa đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng thì cơ sở kinh doanh vẫn được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng, cơ sở kinh doanh không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh giảm số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào kỳ tính thuế phát

sinh nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng. Trường hợp sau khi điều chỉnh, cơ sở kinh doanh có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào kỳ tính thuế có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Nghị định số 144/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 20/6/2026.

3. Ngày 06/5/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 146/2026/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp

Nghị định số 146/2026/NĐ-CP quy định về hành vi vi phạm hành chính, hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính; đối tượng bị xử phạt; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính; việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực lâm nghiệp. Các hành vi vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực lâm nghiệp không được quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định tại các Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước khác có liên quan để xử phạt.

Nghị định số 146/2026/NĐ-CP áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam, người có thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này. Trong đó, tổ chức gồm: Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao; doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam; Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; các tổ chức khác được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã; Ban quản lý rừng đặc dụng, Ban quản lý rừng phòng hộ; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp; các tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật.

Trong đó, tại Điều 10 Nghị định số 146/2026/NĐ-CP quy định mức xử phạt đối với lẩn, chiếm rừng như sau:

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các trường hợp sau: Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng có diện tích dưới 1.000 m²; Rừng sản xuất có diện tích dưới 500 m²; Rừng phòng hộ có diện tích dưới 100 m²; Rừng đặc dụng có diện tích dưới 50 m².

- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các trường hợp sau: Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng có diện tích từ 1.000 m² đến dưới 5.000 m²; Rừng sản xuất có diện tích từ 500 m² đến dưới 3.000 m²; Rừng phòng hộ có diện tích từ 100 m² đến dưới 2.000 m²; Rừng đặc dụng có diện tích từ 50 m² đến dưới 1.000 m².

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các trường hợp sau: Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng có diện tích từ 5.000 m² đến dưới 10.000 m²; Rừng sản xuất có diện tích từ 3.000 m² đến dưới 5.000 m²; Rừng phòng hộ có diện tích từ 2.000 m² đến dưới 4.000 m²; Rừng đặc dụng có diện tích từ 1.000 m² đến dưới 3.000 m².

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các trường hợp sau: Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng có diện tích từ 10.000 m² đến dưới 20.000 m²; Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 m² đến dưới 8.000 m²; Rừng phòng hộ có diện tích từ 4.000 m² đến dưới 6.000 m²; Rừng đặc dụng có diện tích từ 3.000 m² đến dưới 4.000 m².

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các trường hợp sau: Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng có diện tích từ 20.000 m² đến dưới 30.000 m²; Rừng sản xuất có diện tích từ 8.000 m² đến dưới 10.000 m²; Rừng phòng hộ có diện tích từ 6.000 m² đến dưới 8.000 m²; Rừng đặc dụng có diện tích từ 4.000 m² đến dưới 5.000 m².

- Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các trường hợp sau: Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng có diện tích từ 30.000 m²

đến dưới 40.000 m²; Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 m² đến dưới 15.000 m²; Rừng phòng hộ có diện tích từ 8.000 m² đến dưới 12.000 m²; Rừng đặc dụng có diện tích từ 5.000 m² đến dưới 7.000 m².

- Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các trường hợp sau: Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng có diện tích từ 40.000 m² đến dưới 50.000 m²; Rừng sản xuất có diện tích từ 15.000 m² đến dưới 20.000 m²; Rừng phòng hộ có diện tích từ 12.000 m² đến dưới 15.000 m²; Rừng đặc dụng có diện tích từ 7.000 m² đến dưới 10.000 m².

- Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các trường hợp sau: Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng có diện tích 50.000 m² trở lên; Rừng sản xuất có diện tích 20.000 m² trở lên; Rừng phòng hộ có diện tích 15.000 m² trở lên; Rừng đặc dụng có diện tích 10.000 m² trở lên.

- Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 10 Nghị định số 146/2026/NĐ-CP.

- Mức phạt hành vi lấn, chiếm rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 10 Nghị định số 146/2026/NĐ-CP áp dụng đối với rừng trồng. Trường hợp lấn, chiếm rừng tự nhiên thì áp dụng mức phạt bằng hai lần đối với hành vi tương ứng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 10 Nghị định số 146/2026/NĐ-CP.

- Hành vi lấn đất hoặc chiếm đất nông nghiệp là đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất mà không có rừng thì xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Nghị định số 146/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 25/6/2026.

4. Ngày 15/4/2026, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 17/2026/QĐ-TTg chấm dứt hoạt động, giải thể Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia và Ban An toàn giao thông các địa phương

Theo đó, tại Điều 1 Quyết định số 17/2026/QĐ-TTg quy định: Chấm dứt hoạt động, giải thể Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia sau khi hoàn thành việc chuyển giao chức năng, nhiệm vụ, nhân sự, tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu và các nội dung có liên quan cho các bộ, cơ quan, địa phương có liên quan theo

Phương án giải thể kèm theo Quyết định này. Điều 2 quy định: Chấm dứt hoạt động của Ban An toàn giao thông các địa phương. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố quyết định và tổ chức thực hiện việc giải thể Ban An toàn giao thông tại địa phương theo đúng quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của các tổ chức phối hợp liên ngành. Việc sắp xếp, phối hợp xử lý về trật tự, an toàn giao thông ở địa phương thực hiện theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Quyết định số 17/2026/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2026.

5. Ngày 15/5/2026, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 09/2026/TT-BNV sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 09/2026/TT-BNV sửa đổi, bổ sung Điều 5 Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH quy định về tài liệu chứng minh việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước tiếp nhận lao động như sau:

- Đối với thị trường Ma-lai-xi-a và thị trường Đài Loan (Trung Quốc), tài liệu chứng minh là 01 bản sao Phiếu thẩm định hồ sơ tuyển dụng lao động Việt Nam của cơ quan đại diện Việt Nam tại Ma-lai-xi-a hoặc Đài Loan (Trung Quốc).

- Đối với thị trường Nhật Bản, Chương trình thuyền viên tàu cá gần bờ của thị trường Hàn Quốc:

+ Trường hợp bên nước ngoài tiếp nhận lao động là người sử dụng lao động, tài liệu chứng minh là 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương do cơ quan chức năng cấp cho người sử dụng lao động thể hiện lĩnh vực kinh doanh phù hợp với ngành, nghề, công việc tuyển dụng lao động nước ngoài, kèm bản dịch tiếng Việt;

+ Trường hợp bên tiếp nhận lao động là tổ chức dịch vụ việc làm, tài liệu chứng minh là 01 bản sao giấy phép do cơ quan có thẩm quyền nước tiếp nhận cấp hoặc xác nhận cho tổ chức dịch vụ việc làm thể hiện ngành nghề kinh doanh bao gồm dịch vụ việc làm, kèm theo bản dịch tiếng Việt hoặc danh sách các đoàn thể quản lý, các tổ chức được phép tiếp nhận thực tập sinh kỹ năng, lao động kỹ năng đặc định, lao động phát triển kỹ năng người nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền

của Nhật Bản cung cấp cho phía Việt Nam theo Thỏa thuận hợp tác đã được ký kết (đối với thị trường Nhật Bản).

- Đối với các nước, vùng lãnh thổ khác, trường hợp bên nước ngoài tiếp nhận lao động là người sử dụng lao động, tài liệu chứng minh bao gồm:

+ 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương do cơ quan chức năng cấp cho người sử dụng lao động thể hiện lĩnh vực kinh doanh phù hợp với ngành, nghề, công việc tuyển dụng lao động nước ngoài, kèm bản dịch tiếng Việt;

+ 01 bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước tiếp nhận cho phép người sử dụng lao động tuyển dụng lao động nước ngoài hoặc danh mục ngành, nghề, công việc được phép tuyển dụng lao động nước ngoài đối với nước tiếp nhận có quy định hoặc 01 bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền thể hiện việc tiếp nhận lao động nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật nước tiếp nhận, kèm bản dịch tiếng Việt.

- Đối với các nước, vùng lãnh thổ nêu tại khoản 3 Điều 5, trường hợp bên nước ngoài tiếp nhận lao động là tổ chức dịch vụ việc làm, tài liệu chứng minh bao gồm:

+ 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương do cơ quan chức năng cấp hoặc xác nhận cho tổ chức dịch vụ việc làm thể hiện ngành, nghề kinh doanh bao gồm dịch vụ việc làm, kèm bản dịch tiếng Việt;

+ 01 bản sao thỏa thuận hợp tác hoặc văn bản yêu cầu hoặc văn bản ủy quyền tuyển dụng lao động Việt Nam của người sử dụng lao động cho tổ chức dịch vụ việc làm, kèm bản dịch tiếng Việt;

+ Tài liệu chứng minh đối với người sử dụng lao động quy định tại khoản 3 Điều 5.

Thông tư số 09/2026/TT-BNV có hiệu lực thi hành từ ngày 30/6/2026.

6. Ngày 15/05/2026, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT quy định về công tác sinh viên

Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT quy định về nội dung công tác học sinh, sinh viên (gọi chung là sinh viên) và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác sinh viên. Thông tư này áp dụng đối với cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi chung là nhà trường); học sinh học chương trình đào tạo trình độ trung cấp; sinh viên học chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, chương trình đào tạo trình độ đại

học trong nhà trường; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Trong đó, tại khoản 3 Điều 18 Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT quy định về phân loại kết quả rèn luyện của sinh viên như sau:

- Kết quả rèn luyện của sinh viên được phân thành 05 loại: Loại xuất sắc, loại tốt, loại khá, loại trung bình và loại yếu. Loại xuất sắc: từ 90 đến 100 điểm; loại tốt: từ 80 đến dưới 90 điểm; loại khá: từ 70 đến dưới 80 điểm; loại trung bình: từ 50 đến dưới 70 điểm; loại yếu: dưới 50 điểm;

- Sinh viên bị kỷ luật hình thức khiển trách thì kết quả rèn luyện không vượt quá loại khá, bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên thì kết quả rèn luyện không vượt quá loại trung bình;

- Sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ; bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện;

- Sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập. Sinh viên hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khóa học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình học và tốt nghiệp, tùy thuộc vào nguyên nhân để quy định mức đánh giá rèn luyện tại kỳ bổ sung;

- Sinh viên học đồng thời hai chương trình đào tạo sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện tại đơn vị quản lý chương trình thứ nhất và lấy ý kiến nhận xét của đơn vị quản lý chương trình thứ hai làm căn cứ, cơ sở để đánh giá thêm. Trường hợp chương trình thứ nhất đã hoàn thành thì đơn vị quản lý chương trình thứ hai sẽ tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên;

- Sinh viên chuyển trường được bảo lưu kết quả rèn luyện ở trường cũ và tiếp tục đánh giá kết quả rèn luyện ở trường mới. Sinh viên chuyển trường từ nước ngoài về sẽ chỉ thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện với các kỳ học tại Việt Nam và bảo lưu đánh giá ở trường cũ (nếu có);

- Sinh viên tham gia trao đổi với cơ sở giáo dục ở nước ngoài do nhà trường cử đi với thời gian từ ½ học kỳ trở lên sẽ đánh giá kết quả rèn luyện theo quy định của nhà trường với cơ sở giáo dục nước ngoài.

Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT có hiệu lực thi hành từ ngày 30/6/2026.

7. Ngày 29/4/2026, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2026/TT-

BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tài sản công

Theo đó, tại Điều 1 Thông tư số 45/2026/TT-BTC bổ sung Điều 3a vào sau Điều 3 quy định về xác định giá trị của tài sản như sau:

- Giá trị của tài sản quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 của Chính phủ và Nghị định số 55/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ được xác định như sau:

+ Giá trị còn lại của tài sản theo sổ kế toán. Trường hợp giá trị còn lại của tài sản bằng không (=0) thì giá trị của tài sản được tính bằng 20% nguyên giá của tài sản.

+ Trường hợp tài sản chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán thì căn cứ vào nguồn gốc của tài sản và hồ sơ, chứng từ có liên quan (nếu có) để xác định giá trị còn lại của tài sản theo quy định của pháp luật về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao áp dụng đối với tài sản đó.

+ Đối với tài sản không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định thì việc xác định giá trị của tài sản được thực hiện tương tự như việc xác định giá trị còn lại của tài sản cùng loại quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

- Trường hợp không thể áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 3a làm căn cứ xác định giá trị của tài sản thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tài sản công đang giải quyết vụ việc quyết định thành lập Hội đồng định giá để xác định giá trị của tài sản. Thành phần của Hội đồng thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 60 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng định giá quy định tại khoản 2 Điều 3a như sau:

+ Tùy theo tính chất, đặc điểm, thực trạng của tài sản cần định giá, Hội đồng định giá thực hiện khảo sát giá, thu thập thông tin liên quan đến tài sản cần định giá bằng ít nhất một trong các hình thức sau: Khảo sát giá thị trường theo giá bán buôn, giá bán lẻ của tài sản cùng loại hoặc tài sản tương tự; nghiên cứu giá tài sản do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, quyết định đã

được áp dụng tại địa phương; tham khảo giá do doanh nghiệp thẩm định giá cung cấp, giá trong tài liệu, hồ sơ kèm theo tài sản cần định giá, các nguồn thông tin khác về giá trị của tài sản cần định giá.

+ Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể. Phiên họp để định giá tài sản chỉ được tiến hành khi có mặt từ 2/3 số lượng thành viên của Hội đồng trở lên tham dự; trường hợp Hội đồng chỉ có 03 thành viên thì phiên họp phải có mặt đủ 03 thành viên. Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp để định giá tài sản. Trước khi tiến hành phiên họp, những thành viên vắng mặt phải có văn bản gửi tới Chủ tịch Hội đồng nêu rõ lý do vắng mặt; có ý kiến về các vấn đề liên quan đến giá trị tài sản.

Hội đồng kết luận về giá trị tài sản theo ý kiến đa số bao gồm ý kiến biểu quyết, thông qua của thành viên Hội đồng có mặt tại phiên họp và ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt. Trong trường hợp có ý kiến ngang nhau thì bên có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng là ý kiến quyết định. Thành viên của Hội đồng có quyền bảo lưu ý kiến của mình nếu không đồng ý với kết luận về giá trị của tài sản do Hội đồng quyết định; ý kiến bảo lưu đó được ghi vào Biên bản định giá tài sản.

+ Hội đồng phải lập Biên bản về việc định giá tài sản, phản ánh đầy đủ và trung thực toàn bộ quá trình định giá tài sản. Biên bản phải được lưu trong hồ sơ định giá tài sản.

Nội dung chính của Biên bản định giá tài sản gồm: Họ, tên Chủ tịch Hội đồng và các thành viên của Hội đồng; họ, tên những người tham dự phiên họp định giá tài sản (nếu có); thời gian, địa điểm tiến hành việc định giá tài sản; kết quả khảo sát giá, thu thập thông tin liên quan đến tài sản cần định giá; ý kiến của các thành viên của Hội đồng; ý kiến của những người tham dự phiên họp định giá tài sản (nếu có); kết quả biểu quyết của Hội đồng; thời gian, địa điểm hoàn thành việc định giá tài sản; chữ ký của Chủ tịch Hội đồng và các thành viên của Hội đồng.

+ Hội đồng định giá chấm dứt hoạt động sau khi hoàn thành nhiệm vụ quy định tại Quyết định thành lập Hội đồng. Các trường hợp phát sinh sau khi Hội đồng chấm dứt hoạt động sẽ do cơ quan của người có thẩm quyền thành lập Hội đồng chủ trì xử lý.

- Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tài sản công đang giải quyết vụ việc có trách nhiệm xác định giá trị của tài sản quy định tại khoản 1 Điều 3a. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành

chính có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng định giá quy định tại khoản 2 Điều 3a để xác định giá trị của tài sản.

- Việc tính giá trị còn lại của tài sản để xác định giá trị vượt quy định tại điểm a khoản 7 Điều 8 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP trong trường hợp chưa có quy định của pháp luật về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao áp dụng đối với tài sản đó được thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 3a.

Thông tư số 45/2026/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 15/6/2026.

8. Ngày 24/4/2026, Bộ trưởng Bộ Công an đã ban hành Thông tư số 37/2026/TT-BCA sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký, kiểm định phương tiện

Theo đó, tại Điều 2 Thông tư số 37/2026/TT-BCA sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 16 một số điều của Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 và Thông tư số 51/2025/TT-BCA ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định: Trường hợp dữ liệu về tình trạng hôn nhân của chủ xe đã được cập nhật trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư thì dữ liệu điện tử chuyển quyền sở hữu trên Cổng dịch vụ công có giá trị pháp lý như Chứng từ chuyển quyền sở hữu bản giấy.

Thông tư số 37/2026/TT-BCA có hiệu lực thi hành từ ngày 08/6/2026.

9. Ngày 22/4/2026, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 36/2026/TT-BGDĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường dự bị đại học

Theo đó, tại Điều 2 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường dự bị đại học kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BGDĐT quy định về vị trí, chức năng của trường dự bị đại học như sau:

- Trường dự bị đại học là trường chuyên biệt, có chức năng thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Trường dự bị đại học chịu sự quản lý trực tiếp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời chịu sự quản lý theo lãnh

thạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường đặt trụ sở.

- Trường dự bị đại học có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản theo quy định.

Thông tư số 36/2026/TT-BGDĐT có hiệu lực từ ngày 07/6/2026.

10. Ngày 07/11/2025, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 50/2025/TT-BCT quy định lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống tại Việt Nam

Thông tư số 50/2025/TT-BCT quy định lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống tại Việt Nam, trong đó quy định cụ thể tỷ lệ phối trộn, pha chế nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống, lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn, pha chế, sử dụng xăng sinh học dùng cho động cơ xăng.

Thông tư áp dụng đối với thương nhân kinh doanh xăng dầu; tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, phối trộn, pha chế, kinh doanh nhiên liệu sinh học, xăng sinh học; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan tại Việt Nam. Không áp dụng bắt buộc tỷ lệ phối trộn nhiên liệu diesel sinh học với nhiên liệu diesel sử dụng cho động cơ diesel; không áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống đối với nhiên liệu sử dụng trong ngành hàng không và xăng, dầu đặc chủng cho các đơn vị chức năng để phục vụ mục tiêu an ninh, quốc phòng do cấp có thẩm quyền quy định.

Trong đó, tại Điều 3 Thông tư số 50/2025/TT-BCT giải thích từ ngữ một số từ ngữ như sau: (a) Nhiên liệu sinh học là nhiên liệu sinh học gốc bao gồm etanol nhiên liệu (E100) biến tính hoặc không biến tính và nhiên liệu diesel sinh học gốc (B100). (b) Nhiên liệu truyền thống là xăng không chì (xăng nền) bao gồm RON92, RON95, các loại xăng không chì khác hoặc nhiên liệu diesel (DO) có chất lượng phù hợp với quy định của pháp luật. (c) Xăng sinh học tại thông tư này là hỗn hợp của etanol nhiên liệu và xăng nền bao gồm xăng E5RON92 và xăng E10. (d) Phối trộn, pha chế xăng sinh học là việc bổ sung E100 theo các tỷ lệ khác nhau vào xăng nền theo phương pháp phối trộn, pha chế trong bể chứa (in-tank) và trong đường ống (in-line) hoặc các phương pháp phối trộn, pha chế phù hợp khác. (đ) Diesel B10 là hỗn hợp của DO và B100, có hàm lượng

(Xem tiếp trang 50)



Nhớ ngày đón Bác về thăm

Nhớ ngày đón Bác về thăm
Cả Quảng Bình*, xôn xao mừng rỡ
Sáu mươi sáu năm rồi vẫn còn nhớ
Nao nức như sóng dậy trong lòng

Người người mừng ngày Hội non sông
Ai ai cũng mong được nhìn thấy Bác
Nghe lời nói thân thương mà đông đặc
Vị lãnh tụ muôn vàn kính yêu!

Hồn Nhật Lệ mệnh mang sớm chiều
Chưa bao giờ Quảng Bình vui đến thế
Mãi đến hôm nay vẫn nghe mẹ kể
Một Đồng Hới rục rờ cờ hoa

Lúc chia tay vị cha già
Người Quảng Bình vẫn đinh ninh và kiên nhẫn
Trong ký ức không quên lời Người dặn:
"Bác về rồi Bác lại vô..."

Từ ngày ấy Quảng Bình đã giương cao ngọn cờ
Đi theo Đảng niềm vui phơi phới
Dựng xây quê hương cùng nhau vươn tới
Chờ Bác vào thăm kính dâng lên Người...!

TRẦN ĐÌNH NGÔN

* Từ 01/7/2025, Quảng Bình và Quảng Trị hợp nhất thành tỉnh Quảng Trị.

Trọn tình yêu thương

Tròn năm Quảng Trị hình thành
Mấy lời trao gửi ngọn ngành có nhau
Quảng Bình, Quảng Trị bấy lâu
Làm nên truyền thống chung câu ân tình.
Hôm nay về lại trọn tình
Trường Sơn một dãy dáng hình đẹp hơn
Biển xanh xanh ngát nguồn cơn
Cửa Tùng, Nhật Lệ sóng vờn biển xanh
Tròn năm chung sức tiến nhanh
Mấy câu ghi lại trọn tình yêu thương.

LÊ HUẤN

Quảng Trị vườn mình

Bình - Trị quê ta hợp lại rồi
Nhớ thời đánh Mỹ củ khoai lùi
Ba Lòng lịch sử vui cây giặc
Thành Cổ đau thương nước mắt rơi.

Đói khổ, chiến tranh đã vắng xa
Nửa vòng thế kỷ cũng trôi qua
Hiền Lương thơ mộng tình son sắt
Thạch Hãn anh hùng khúc tráng ca.

Đất nước vườn mình tung cánh bay
Quê mình Quảng Trị nổi vòng tay
Toàn dân đoàn kết, vâng lời Đảng
Tăng trưởng đạt hai chữ số đầy.

Gửi trọn niềm tin đổi mới này
Bước đường phía trước lắm chông gai
Lòng dân, ý Đảng vuông tròn mãi
Quảng Trị tự hào chẳng kém ai.

TRỊNH TRỌNG TÝ

Đảng ủy UBND tỉnh Quảng Trị tổ chức Vòng chung kết Hội thi Báo cáo viên, Tuyên truyền viên giỏi năm 2026

Ngày 15/6/2026, Đảng ủy UBND tỉnh Quảng Trị tổ chức Vòng chung kết Hội thi Báo cáo viên, Tuyên truyền viên giỏi năm 2026 tuyên truyền Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030. Dự khai mạc và bế mạc Hội thi có đồng chí Hoàng Nam, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh; đồng chí Nguyễn Chí Thắng, Tỉnh ủy viên, Phó Bí thư Đảng ủy UBND tỉnh; đồng chí Trần Ngọc Ánh, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; đồng chí Hồ Văn Chính, Phó Bí thư Đảng ủy UBND tỉnh, Trưởng Ban Tổ chức Hội thi; đồng chí Trần Ngọc Thăng, Phó Bí thư Đảng ủy UBND tỉnh, Phó Trưởng Ban Tổ chức Hội thi; đồng chí Trần Tiến Hải, Tiến sĩ, Giảng viên cao cấp, Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị Lê Duẩn; cùng đại diện lãnh đạo các ban, văn phòng Đảng ủy UBND tỉnh, cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc và đông đảo cán bộ, đảng viên tham dự. Hội thi được tổ chức nhằm tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ I; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh lần thứ I; đồng thời tạo môi trường để đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kỹ năng tuyên truyền miệng, góp phần đưa nghị quyết của Đảng nhanh chóng đi vào cuộc sống.

Tham gia vòng chung kết có 15 báo cáo viên, tuyên truyền viên tiêu biểu được lựa chọn từ vòng sơ khảo. Các thí sinh trải qua các phần thi xây dựng đề cương, thuyết trình chuyên đề và trả lời câu hỏi. Với sự chuẩn bị công phu, nghiêm túc và trách nhiệm, các báo cáo viên đã mang đến Hội thi nhiều phần trình bày chất lượng, thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, kỹ năng tuyên truyền thuyết phục, khả năng nghiên cứu và vận dụng nghị quyết vào thực tiễn công tác của cơ quan, đơn vị.

Đại diện cho Đảng bộ Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị tham gia hội thi, đồng chí Đặng Lê Thùy Trang đã thể hiện tinh thần trách

nhiệm cao, sự chuẩn bị nghiêm túc, công phu và đầy tâm huyết. Đến với hội thi lần này, đồng chí Đặng Lê Thùy Trang lựa chọn thể hiện Chuyên đề: "Công tác dân vận trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng". Với kỹ năng thuyết trình mạch lạc, tư duy lý luận sắc bén cùng sự am hiểu thực tiễn sâu sắc, phần dự thi của đại diện Đảng bộ Sở Tư pháp đã được Ban Giám khảo đánh giá cao. Ở phần thi Trả lời câu hỏi phụ, với thời lượng không quá 05 phút, đồng chí Đặng Lê Thùy Trang đã trả lời đúng trọng tâm câu hỏi đã chọn, có sự mở rộng, liên hệ thực tiễn làm phong phú thêm nội dung trả lời.

Kết thúc Hội thi, Ban Tổ chức đã trao giải Nhất cho đồng chí Đặng Lê Thùy Trang, Đảng bộ Sở Tư pháp. Hai giải Nhì được trao cho đồng chí Trần Thị Mỹ Hằng, Đảng bộ Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng và đồng chí Nguyễn Trung Chính, Đảng bộ Sở Dân tộc và Tôn giáo. Ba giải Ba được trao cho các đồng chí: Trần Thị Diệu Thùy (Đảng bộ Chi cục Hải quan khu vực IX), Trần Thị Hồng Duyên (Đảng bộ Sở Khoa học và Công nghệ) và Nguyễn Thị Thảo Nguyên (Đảng bộ Trường Cao đẳng Nghệ). Ban Tổ chức cũng trao 09 giải Khuyến khích cho các đồng chí: Nguyễn Thái An (Đảng bộ Sở Tài chính), Lê Thị Vân Anh (Đảng bộ Sở Y tế), Nguyễn Thị Lý (Đảng bộ Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công - Nông nghiệp), Lê Thị Ngọc Hiền (Đảng bộ Công ty Cổ phần Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị), Mai Thị Hà Giang (Đảng bộ Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực IX), Nguyễn Thị Vân (Đảng bộ Sở Nội vụ), Hoàng Thị Huyền Trang (Đảng bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường), Nguyễn Thị Anh Khuyên (Đảng bộ Trường Đại học Quảng Bình) và Trần Duy Hà (Đảng bộ Công ty Cổ phần Việt Trung).

Tại lễ bế mạc, Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh đã công bố Quyết định cử đồng chí Đặng Lê Thùy Trang, báo cáo viên thuộc Đảng bộ Sở Tư pháp, đạt giải Nhất Hội thi, đại diện Đảng bộ UBND tỉnh tham gia Hội thi Báo cáo viên, Tuyên truyền viên giỏi cấp tỉnh năm 2026.

Để đạt được thành tích cao nhất tại Hội thi cấp Đảng ủy UBND tỉnh nhờ sự nỗ lực, trách nhiệm và bản lĩnh chính trị vững vàng của cá nhân đồng chí Đặng Lê Thùy Trang;

đồng thời thể hiện sự quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng quan trọng của Đảng ủy Sở Tư pháp. Xác định công tác tuyên truyền miệng và đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, ngay từ khi Hội thi được phát động, Đảng ủy Sở Tư pháp đã bám sát các văn bản hướng dẫn, kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát trong việc tổ chức Hội thi tại Đảng bộ để lựa chọn báo cáo viên tham dự Hội thi do Đảng bộ UBND tỉnh tổ chức; đồng thời định hướng chủ đề và tạo mọi điều kiện thuận lợi để đảng viên tham gia ôn luyện. Sự quan tâm, động viên và đồng hành sát sao của Ban Chấp hành Đảng bộ Sở đã giúp thí sinh có sự chuẩn bị công phu, nghiêm túc, xây dựng đề cương chất lượng và vận dụng nhuần nhuyễn lý luận Nghị quyết vào thực tiễn công tác Tư pháp tại địa phương.

Xã Nam Cửa Việt tổ chức Hội nghị tập huấn, tuyên truyền Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Dân chủ ở cơ sở; kỹ năng hòa giải ở cơ sở; kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật

Ngày 29/5/2026, tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã Nam Cửa Việt đã diễn ra Hội nghị tập huấn, tuyên truyền Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Dân chủ ở cơ sở; kỹ năng hòa giải ở cơ sở; kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật. Đây là hoạt động trọng tâm nhằm thực hiện Kế hoạch số 1038/KH-UBND của UBND xã Nam Cửa Việt về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026. Hội nghị có sự tham gia của 100 đại biểu, bao gồm đại diện Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, các tổ chức đoàn thể và Nhân dân trên địa bàn xã gồm các tuyên truyền viên pháp luật xã, Trưởng thôn, Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, Chi hội trưởng các tổ chức đoàn thể như Hội Liên hiệp phụ nữ xã, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

Tại Hội nghị, các đại biểu đã được nghe đồng chí Nguyễn Thị Hồng Luyến, Trưởng Phòng PBGDPL&TDTHPL, Sở Tư pháp phổ biến các quy định trọng tâm của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; trong đó, đi sâu vào phổ biến chức năng, nhiệm vụ của chính quyền cấp xã, phương thức hoạt động của bộ máy chính quyền

hai cấp; đồng thời, phổ biến nội dung trọng tâm, điểm mới của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, những nội dung quyền thụ hưởng của công dân, những nội dung chính quyền địa phương cấp xã phải công khai, những nội dung Nhân dân bàn và quyết định, những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định, nội dung kiểm tra, giám sát, cơ chế công khai, minh bạch và trách nhiệm tiếp thu, phản hồi ý kiến cộng đồng.

Bên cạnh đó, các đại biểu còn được tập huấn kỹ năng hòa giải ở cơ sở với các nội dung thiết thực như: kỹ năng phân tích mâu thuẫn, các bước tiến hành hòa giải, phương pháp thuyết phục và xử lý các tình huống phát sinh trong thực tế; kỹ năng tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho các Tổ hòa giải và tuyên truyền viên, góp phần nâng cao hiệu quả truyền thông pháp luật trong Nhân dân do đồng chí Nguyễn Nhật Vũ, Phó trưởng Phòng PBGDPL&TDTHPL, Sở Tư pháp thực hiện.

Thông qua Hội nghị, các học viên không chỉ được bổ sung, cập nhật kiến thức pháp lý về thực hiện dân chủ ở cơ sở và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp mà còn được trang bị kỹ năng hòa giải và kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật phù hợp với đặc thù địa phương. Những kiến thức và kỹ năng này góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết mâu thuẫn trong cộng đồng dân cư, củng cố đoàn kết, giữ gìn an ninh trật tự và xây dựng phường Nam Cửa Việt ngày càng vững mạnh.

Phòng PBGDPL&TDTHPL

Truyền thông chính sách trợ giúp pháp lý cho Người cao tuổi nhân ngày truyền thống Người cao tuổi Việt Nam 06/6

Thực hiện Quyết định số 971/QĐ-BTP ngày 09/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về ban hành kế hoạch triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người cao tuổi thuộc diện được TGPL giai đoạn 2026-2030; Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 09/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia về người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045 và Quyết định số 384/QĐ-STP ngày 02/02/2026 của Giám đốc Sở Tư pháp về việc

phê duyệt Kế hoạch công tác trợ giúp pháp lý năm 2026 của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Trị (Trung tâm).

Nhân kỷ niệm Ngày truyền thống Người Cao tuổi Việt Nam (06/6), trong thời gian từ ngày 02/6/2026 - 04/6/2026, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Trị đã tổ chức 03 hội nghị truyền thông pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người cao tuổi trên địa bàn các xã Tuyên Bình, Bến Hải và Hoàn Lão.

Tại các hội nghị, lãnh đạo các phòng chuyên môn và Chi nhánh Trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm đã trình bày chuyên đề, phổ biến các quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý và các chính sách liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của người cao tuổi, trong đó tập trung vào các nội dung về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và chính sách an sinh xã hội. Các hội nghị đã thu hút 284 đại biểu là người cao tuổi tham dự, cụ thể: Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 1 đã tổ chức 01 hội nghị tại xã Bến Hải với 97 đại biểu tham dự; Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 2 đã tổ chức 01

hội nghị tại xã Tuyên Bình với 96 người tham dự; Phòng Nghiệp vụ pháp luật đã tổ chức 01 hội nghị tại xã Hoàn Lão với 91 đại biểu tham dự. Bên cạnh hoạt động tuyên truyền, báo cáo viên đã trực tiếp tư vấn, giải đáp pháp luật và cấp phát tài liệu pháp luật cho người tham dự. Thông qua hoạt động này, nhằm nâng cao nhận thức pháp luật cho người cao tuổi, góp phần bảo đảm quyền tiếp cận trợ giúp pháp lý và tăng cường khả năng tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người dân. Đồng thời, đây cũng là hoạt động thiết thực thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương đối với công tác chăm sóc, phát huy vai trò của người cao tuổi trong đời sống xã hội.

Các hội nghị đã diễn ra thành công, nhận được sự hưởng ứng tích cực của các đại biểu tham dự, góp phần lan tỏa tinh thần thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trong cộng đồng dân cư.

LÊ THANH HÀ

GIỚI THIỆU VĂN BẢN

(Tiếp theo trang 46)

B100 từ 9% đến 10% theo thể tích, ký hiệu là B10. (e) Phối trộn, pha chế điêzen sinh học là việc bổ sung B100 vào DO với các tỷ lệ khác nhau theo phương pháp phối trộn, pha chế trong bể chứa (in-tank) và trong đường ống (in-line) hoặc các phương pháp phối trộn, pha chế phù hợp khác...

Đồng thời, tại Điều 4 quy định về lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học và nhiên liệu truyền thống như sau:

- Từ ngày 01 tháng 6 năm 2026, xăng không chì (theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành) phải phối trộn, pha chế thành xăng E10 để sử dụng cho động cơ xăng trên toàn quốc.

- Tiếp tục phối trộn, pha chế xăng E5RON92 để sử dụng cho động cơ xăng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

- Trong quá trình triển khai thực hiện lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống, căn cứ theo tình hình thực tế về kinh tế, xã hội, kỹ thuật,

công nghệ, cung, cầu, giá cả và những biến động khác có liên quan, Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định điều chỉnh tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống, bổ sung chủng loại mặt hàng xăng kinh doanh trên thị trường phù hợp để đảm bảo mục tiêu an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường và bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

- Trong thời gian chưa quy định bắt buộc sử dụng điêzen sinh học B5, B10 cho động cơ điêzen, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, phối trộn, pha chế, kinh doanh và sử dụng điêzen sinh học B5, B10.

Thông tư số 50/2025/TT-BCT có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026, trong đó lộ trình áp dụng xăng không chì phải phối trộn, pha chế thành xăng E10 để sử dụng cho động cơ xăng trên toàn quốc bắt đầu từ ngày 01/6/2026.

Phòng PBGDPL&TDTHPL